

Số: 728/CBTT-DBD

Bình Định, ngày 04 tháng 04 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**
(Có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty:	Công ty Cổ phần Dược Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)
Mã chứng khoán:	DBD
Trụ sở chính:	498 Nguyễn Thái Học, Phường Quang Trung, Tp Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Điện thoại:	0256.3846500
Fax:	0256.3846846
Người thực hiện công bố thông tin:	Ông Nguyễn Thanh Giang
Địa chỉ:	498 Nguyễn Thái Học, Phường Quang Trung, Tp Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Loại thông tin công bố	<input checked="" type="checkbox"/> Định kỳ <input type="checkbox"/> Bất thường (24h) <input type="checkbox"/> Yêu cầu
Nội dung công bố:	Báo cáo thường niên năm 2018.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 04/04/2019 tại website www.bidiphar.com.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- Phòng IT (đăng website);
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT.

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
Người công bố thông tin



Nguyễn Thanh Giang



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

Chính sách chất lượng khẳng định sự lựa chọn định hướng của công ty nhằm vào khách hàng, mục tiêu xuyên suốt mà công ty đã và đang theo đuổi nhằm hướng đến những giá trị cốt lõi và lâu dài trong quá trình hoạt động và phát triển

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH

CHĂM SÓC SỨC KHỎE - CHIA SẺ NIỀM VUI

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý Cổ đông,

Lời đầu tiên, thay mặt Hội đồng Quản trị, Ban Lãnh đạo và toàn thể cán bộ, công nhân viên Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar), tôi xin gửi đến tất cả quý vị lời chúc sức khỏe và lời chào thân ái nhất.

Bidiphar bước vào thực hiện kế hoạch năm 2018 với nhiều khó khăn thử thách. Thị trường Dược phẩm xuất hiện sự cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp ngoài ngành trong nước và những doanh nghiệp nước ngoài với tiềm lực về công nghệ và tài chính mạnh mẽ. Đồng thời, các chính sách quản lý Nhà nước về dược phẩm hiện tại vẫn đang có nhiều bất cập, gây khó khăn cho công tác đấu thầu giá thuốc tại hệ thống các bệnh viện.

Tuy nhiên, cùng với truyền thống đoàn kết, sáng tạo, tận tâm và tận hiến của tập thể cán bộ, công nhân viên công ty, Bidiphar (DBD) đã đạt được những kết quả kinh doanh khả quan, đồng thời thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển bền vững, có trách nhiệm với xã hội và bảo vệ môi trường.

Đầu tư cho hoạt động nghiên cứu phát triển, cải tiến chất lượng sản phẩm, ứng dụng công nghệ hiện đại vào dây chuyền sản xuất nhằm tăng năng lực cạnh tranh cho sản phẩm; xây dựng hệ thống phân phối hiện đại; phát huy hiệu quả phần mềm quản trị tổng thể nguồn lực doanh nghiệp SAP-ERP; tiết giảm tối đa chi phí; hoàn thiện cơ chế kinh doanh, bám sát nhu cầu của từng khu vực thị trường; tổ chức phân tích thường xuyên tình hình tài chính; chú trọng thông tin kịp thời, công tác quản trị; cung cấp thông chính xác cho việc ra các quyết định quản lý,... là các giải pháp mà Bidiphar đã và đang triển khai thực hiện.

Nhờ vậy, năm 2018 mặc dù lợi nhuận có sự sụt giảm nhẹ so với năm 2017 nhưng các hệ số thanh khoản của DBD tăng mạnh, trong đó hệ số thanh toán đạt 2,05 lần cho thấy thành quả tích cực của các công tác vận hành sản xuất và tiết giảm chi phí của đội ngũ Lãnh đạo cùng những nỗ lực gia tăng năng suất và hiệu quả lao động của toàn thể công nhân viên công ty ở kỳ kinh doanh vừa qua nhằm đảm bảo tình hình tài chính của công ty. Đặc biệt, DBD đã được Bộ Khoa học và Công nghệ trao Danh hiệu “Doanh nghiệp đổi mới công nghệ tiêu biểu năm 2018” theo quyết định số 2870/QĐ-BKHHCN ngày 10/01/2018.

Những thành quả trên đạt được là nhờ sự đồng hành, sát cánh chung tay của quý cổ đông, quý khách hàng và các nhà đầu tư, chúng tôi xin trân trọng và gửi đến tất cả quý vị lời cảm ơn chân thành nhất.

Năm 2019, Kinh tế Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng trên 6%, thu hút hàng loạt các dòng vốn đầu tư nước ngoài do hiệu lực của các hiệp định thương mại tự do quốc tế và khu vực; điều này sẽ thúc đẩy sản xuất và gia tăng mức sống của người dân, từ đó tạo điều kiện mở rộng và phát triển cho ngành Dược phẩm nói chung và DBD nói riêng. Áp lực cạnh tranh từ các doanh nghiệp nước ngoài cũng sẽ ngày càng trở nên mạnh mẽ hơn đòi hỏi nỗ lực và quyết tâm cao hơn từ DBD để giữ vững vị thế của mình. Tuy nhiên, chúng tôi cũng tin tưởng rằng nó sẽ mang lại nhiều cơ hội cho DBD về khả năng tiếp cận, liên kết hợp tác công nghệ với các đối tác lớn nước ngoài, làm tiền đề cho DBD đổi mới và hội nhập.

Với những kết quả đạt được trong năm 2018, cùng với sự quyết tâm cao nhất của tập thể Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, người lao động đang làm việc tại Bidiphar và sự ủng hộ của quý cổ đông, các đối tác, khách hàng, chúng tôi tin tưởng hoàn thành các chỉ tiêu Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 để ra, tiếp tục củng cố và nâng cao thương hiệu Bidiphar trên thị trường trong nước và quốc tế.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin cam kết sẽ nỗ lực hết mình vì sự phát triển bền vững của Bidiphar trong tương lai, đảm bảo lợi ích cho cổ đông, người lao động, khách hàng, đối tác và các bên liên quan khác.

Kính chúc tất cả quý vị Sức khỏe, Hạnh phúc và Thành công!

Nguyễn Văn Quá

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Tháng 4 năm 2019

MỤC LỤC

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

PHẦN III: BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

PHẦN IV: BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

PHẦN V: BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

PHẦN VI: QUẢN TRỊ CÔNG TY

Phần VII: BÁO CÁO TÀI CHÍNH



TỔNG QUAN VỀ BIDIPHAR

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

NGÀNH NGHỀ & ĐỊA BÀN KINH DOANH

NHỮNG THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

CƠ CẤU TỔ CHỨC, BỘ MÁY QUẢN LÝ

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC RỦI RO

PHẦN I THÔNG TIN KHÁI QUÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH

Tên tiếng Anh	: BINH DINH PHARMACEUTICAL AND MEDICAL EQUIPMENT JOINT STOCK COMPANY
Mã chứng khoán	: DBD
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	: 4100259564 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 01/09/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 25/10/2016
Vốn điều lệ	: 523.790.000.000 đồng
Trụ sở chính	: 498 Nguyễn Thái Học – phường Quang Trung - thành phố Quy Nhơn – tỉnh Bình Định
Số điện thoại	: 256.3846500
Số fax	: 256.3846846
Website	: www.bidiphar.com
Sàn niêm yết	: HOSE

1976

Từ nền tảng Xưởng Dược thuộc Ban quân dân y khu 5, hình thành các đơn vị của tỉnh hoạt động trong ngành dược và trực thuộc Công ty Y tế Nghĩa Bình, bao gồm: Công ty Dược phẩm Dược liệu Nghĩa Bình, Xí nghiệp Dược phẩm Nghĩa Bình, Công ty vật tư Y tế Nghĩa Bình, Trạm nghiên cứu Dược liệu Nghĩa Bình.

1979

Thành lập Phân xưởng phủ tạng tại 363-371 Trần Hưng Đạo, Quy Nhơn trực thuộc Xí nghiệp Dược phẩm Nghĩa Bình.

1980

Trên cơ sở Phân xưởng phủ tạng thành lập Xí nghiệp Dược phẩm II Nghĩa Bình trực thuộc Ty Y tế Nghĩa Bình.

1983

Xí nghiệp Dược phẩm II Nghĩa Bình chuyển trực thuộc Xí nghiệp Liên hợp Dược Nghĩa Bình.

1986

Xí nghiệp Dược phẩm II Nghĩa Bình chuyển Nhà máy sản xuất về tại 498 Nguyễn Thái Học, Quy Nhơn hoạt động sản xuất cho đến nay. Trong giai đoạn này Xí nghiệp chỉ thực hiện nhiệm vụ sản xuất theo đơn đặt hàng của Liên hợp Dược Nghĩa Bình.

1988

Chuyển Xí nghiệp Dược phẩm II Nghĩa Bình sang mô hình hoạt động hạch toán kinh tế độc lập, không phụ thuộc vào việc đặt hàng theo kế hoạch từ Công ty Dược phẩm dược liệu Nghĩa Bình.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1989

Chính phủ tách địa giới hành chính tỉnh Nghĩa Bình thành 02 tỉnh Bình Định và Quảng Ngãi. Xí nghiệp Dược phẩm II Nghĩa Bình được đổi tên thành Xí nghiệp Dược phẩm Bình Định (viết tắt là Bidiphar).

1994

Bidiphar liên doanh với Xí nghiệp Dược phẩm Chăm pa sắc-Lào thành lập Công ty liên doanh dược phẩm hữu nghị Champasac-Bình Định, có trụ sở tại tỉnh Champasack Lào, gọi tắt là Công ty CBF Pharma Co.,Ltd. Trong đó Xí nghiệp Dược phẩm Bình Định chiếm 80% vốn điều lệ.

1995

Ngày 05/05/1995 – theo Quyết định số 922/QĐ-UB của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc hợp nhất 02 đơn vị là Công ty Dược Vật tư Y tế Bình Định và Xí nghiệp Dược phẩm Bình Định thành lập Công ty Dược-Trang thiết bị Y tế Bình Định, trong đó nòng cốt là Xí nghiệp Dược phẩm Bình Định.

1999

Thực hiện chủ trương cổ phần hóa, tách Phân xưởng In và Bao bì, một đơn vị trực thuộc của Bidiphar thành lập Công ty cổ phần In và Bao bì Bình Định. Bidiphar đầu tư xây dựng Nhà máy dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP - ASEAN đầu tiên.

2005

Thành lập mới 02 đơn vị trực thuộc là Công ty TNHH MTV do Bidiphar làm chủ sở hữu 100% vốn: Tách Xí nghiệp Nước khoáng Chánh Thắng (đơn vị hạch toán trực thuộc Bidiphar) thành lập Công ty TNHH MTV Nước khoáng Quy Nhơn theo Quyết định 1275/QĐ-CTD ngày 28/12/2005 của Giám đốc công ty, hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực thực phẩm và thành lập mới Công ty TNHH MTV Muối Bình Định từ Xí nghiệp Muối I ốt trực thuộc, hoạt động sản xuất kinh doanh muối iốt và thực phẩm khác, theo Quyết định số 1166/QĐ-CTD ngày 25/11/2005 của Giám đốc Công ty Dược-TTBYT Bình Định.

2006

Bidiphar chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ-công ty con, theo Quyết định thành lập số 102/2006/QĐ-UBND ngày 27/06/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định. Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần khoáng sản Biotan, hoạt động trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản. Bidiphar chiếm 10% vốn điều lệ. Đầu tư nâng cấp Nhà máy dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP-WHO.

2007

Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar, quản lý vốn đầu tư sang Lào: trồng và chăm sóc 5.000 ha cao su tại tỉnh Sê Kông, CHDCND Lào. Bidiphar chiếm 30% vốn điều lệ.

2008

Tách bộ phận sản xuất dược phẩm thuộc Bidiphar thực hiện cổ phần hóa thành lập Công ty Cổ phần Dược phẩm Bidiphar 1.

2009

Thực hiện tái cơ cấu vốn đầu tư tại Công ty CBF Pharma, Bidiphar thực hiện chủ trương của tỉnh bán hết phần vốn nhà nước tại Công ty CBF Pharma và hoàn tất việc thu hồi vốn vào tháng 12/2011, để chuyển sang các dự án đầu tư khác. Thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Nước khoáng Chánh Thắng thành lập Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn. Bidiphar chiếm 30% vốn điều lệ.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (TIẾP THEO)

2010

Chuyển công ty mẹ từ doanh nghiệp nhà nước sang hình thức Công ty TNHH 01 TV do UBND tỉnh làm chủ sở hữu (100% vốn nhà nước) theo Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 23/06/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định, Bidiphar bắt đầu hoạt động theo Luật doanh nghiệp cho đến nay. Năm 2012: Thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Muối Bình Định, thành lập Công ty CP Muối và Thực phẩm Bình Định, hoạt động từ ngày 01/01/2013. Bidiphar chiếm 42,28% vốn điều lệ.

2012

Thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Muối Bình Định, thành lập Công ty CP Muối và Thực phẩm Bình Định, hoạt động từ ngày 01/01/2013. Bidiphar chiếm 42,28% vốn điều lệ.

2013

Tiến hành cổ phần hóa Bidiphar theo Quyết định số 3439/QĐ-UBND ngày 20/11/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định thành công ty cổ phần. Thực hiện chủ trương thoái vốn đầu tư tại Công ty CP Nước khoáng Quy Nhơn.

2014

Chính thức chuyển sang mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/03/2014 sau khi tổ chức thành công Đại hội cổ đông thành lập. Thực hiện chủ trương thoái vốn đầu tư tại Công ty cổ phần In và Bao bì Bình Định.

2015

Hoàn tất sáp nhập Bidiphar 1 vào Bidiphar và chính thức hoạt động vào 01/01/2015. Vốn điều lệ 419,182 tỷ đồng, trong đó nhà nước chiếm giữ 41,65% vốn điều lệ.

2016

Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 523,79 tỷ đồng, cổ đông nhà nước không tham gia tăng vốn do đó tỷ lệ vốn nhà nước chiếm giữ giảm còn 33,34%.

2018

Ngày 15/06, hơn 52 triệu cổ phiếu của Bidiphar chính thức niêm yết trên HOSE với giá tham chiếu 48.000 đồng/cổ phiếu.

2017

Công ty tiến hành đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn UPCOM vào ngày 16/01/2017 với mã cổ phiếu là DBD.



NHỮNG DẤU MỐC QUAN TRỌNG TRONG VIỆC ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀO SẢN XUẤT DƯỢC PHẨM



- Năm 1992: Nghiên cứu và sản xuất thuốc Tiêm kháng sinh Gentamicin.
- Năm 1997: Nghiên cứu và sản xuất Dung dịch Tiêm truyền kháng sinh và Axit amin. Đổi mới trong quản lý chất lượng sản phẩm kết hợp một cách có hiệu quả ISO 9001 và GPs.
- Năm 2003: Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ bào chế thuốc tiêm đông khô
- Năm 2010: Nghiên cứu thành công và sản xuất thuốc điều trị ung thư.
- Năm 2015: Triển khai thành công hệ thống ứng dụng Quản trị tổng thể nguồn lực SAP-ERP.

CÁC GIẢI THƯỞNG TRONG NĂM 2018

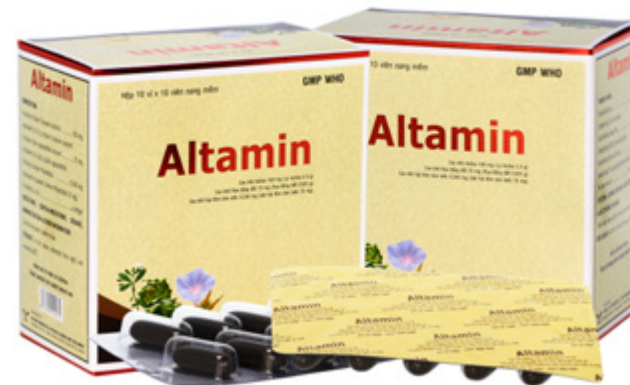
STT	Thành tích thi đua khen thưởng	Đơn vị khen thưởng	Số QĐ khen thưởng	Ngày QĐ khen thưởng	Nội dung khen thưởng
1	Cờ thi đua	UBND tỉnh Bình Định	794/QĐ-UBND	3/14/2018	Đơn vị tiêu biểu xuất sắc trong trào thi đua khối sản xuất - kinh doanh năm 2017
2	Bằng tri ân tấm lòng vàng	Hội bảo trợ bệnh nhân nghèo tỉnh Bình Định	430/HBTBNNBĐ	3/4/2018	Đã có tấm lòng vàng, yêu thương, chia sẻ và giúp đỡ bệnh nhân nghèo - Tặng thẻ bảo hiểm y tế cho đồng bào cận nghèo năm 2018
3	Giải thưởng chất lượng Quốc gia năm 2017	Thủ tướng Chính phủ	403/QĐ-TTg	4/13/2018	Giải Vàng Chất lượng Quốc gia năm 2017
4	Giấy khen	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Định	142/QĐ-SLĐTHXH	5/2/2018	Đã thực hiện tốt công tác An toàn vệ sinh lao động năm 2017
5	Cờ thi đua	Thủ tướng Chính phủ	537/QĐ-TTg	5/15/2018	Đã hoàn thành xuất sắc, toàn diện nhiệm vụ công tác, dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước năm 2017 của tỉnh Bình Định
6	Tập thể lao động xuất sắc	Chủ tịch UBND Tỉnh Bình Định	984/QĐ-UBND	3/27/2018	Đã tổ chức tốt phong trào thi đua yêu nước, sáng tạo, vượt khó và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm 2017
7	Bằng khen	Chủ tịch UBND Tỉnh Bình Định	1346/QĐ-UBND	3/20/2018	Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa từ năm 2012 - 2016
8	Danh hiệu	Bộ Khoa học và công nghệ	2870/QĐ-BKH-CN	10/1/2018	Doanh nghiệp đổi mới công nghệ tiêu biểu năm 2018
9	Bằng khen	BCH Liên đoàn Lao động tỉnh Bình Định	110/QĐ-LĐLĐ	11/21/2018	Đã có nhiều thành tích đóng góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Tạp chí Công đoàn Bình Định giai đoạn 2008-2018

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi, Công ty đã đăng ký các hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Sản xuất dược phẩm, dược liệu
- Bán buôn dược phẩm, dược liệu; dụng cụ, vật tư ngành y tế
- Bán lẻ dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm
- Dịch vụ bảo quản thuốc; Dịch vụ kiểm nghiệm thuốc; Dịch vụ tư vấn quản lý bảo đảm chất lượng trong sản xuất thuốc; Cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực sản xuất dược phẩm
- Sản xuất thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung, thực phẩm tăng cường và vi chất dinh dưỡng; Sản xuất muối I-ốt
- Mua bán sữa và các sản phẩm từ sữa, thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung, thực phẩm tăng cường và vi chất dinh dưỡng
- Mua bán máy móc thiết bị y tế; Mua bán, lắp đặt các thiết bị văn phòng
- Mua bán hóa chất, vắc xin, sinh phẩm miễn dịch, hóa chất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực y tế
- Sản xuất các loại nước khoáng, nước giải khát
- Sản xuất giấy nguyên liệu, bao bì carton
- In ấn
- Sản xuất lọ, ống thủy tinh dùng cho công nghiệp dược phẩm, tiêu dùng
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Dịch vụ cho thuê nhà xưởng, nhà kho, văn phòng làm việc
- Sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị, máy móc, dụng cụ trong lĩnh vực y tế và sản xuất dược phẩm
- Sản xuất, mua bán, lắp đặt thiết bị cơ điện lạnh, hệ thống cung cấp không khí lạnh tiết kiệm, hệ thống cung cấp ô xy, ni tơ phục vụ ngành y tế
- Sản xuất, mua bán vật tư nông, lâm nghiệp; Trồng và chế biến sản phẩm từ cây công nghiệp ngắn và dài ngày; Sản xuất, chế biến gỗ; Mua bán hàng nông, lâm sản, thủ công mỹ nghệ
- Khai thác và chế biến khoáng sản.
- Hoạt động chính của công ty là sản xuất, mua bán hàng dược phẩm, dược liệu, máy móc thiết bị, dụng cụ, vật tư ngành y tế.



Địa bàn kinh doanh

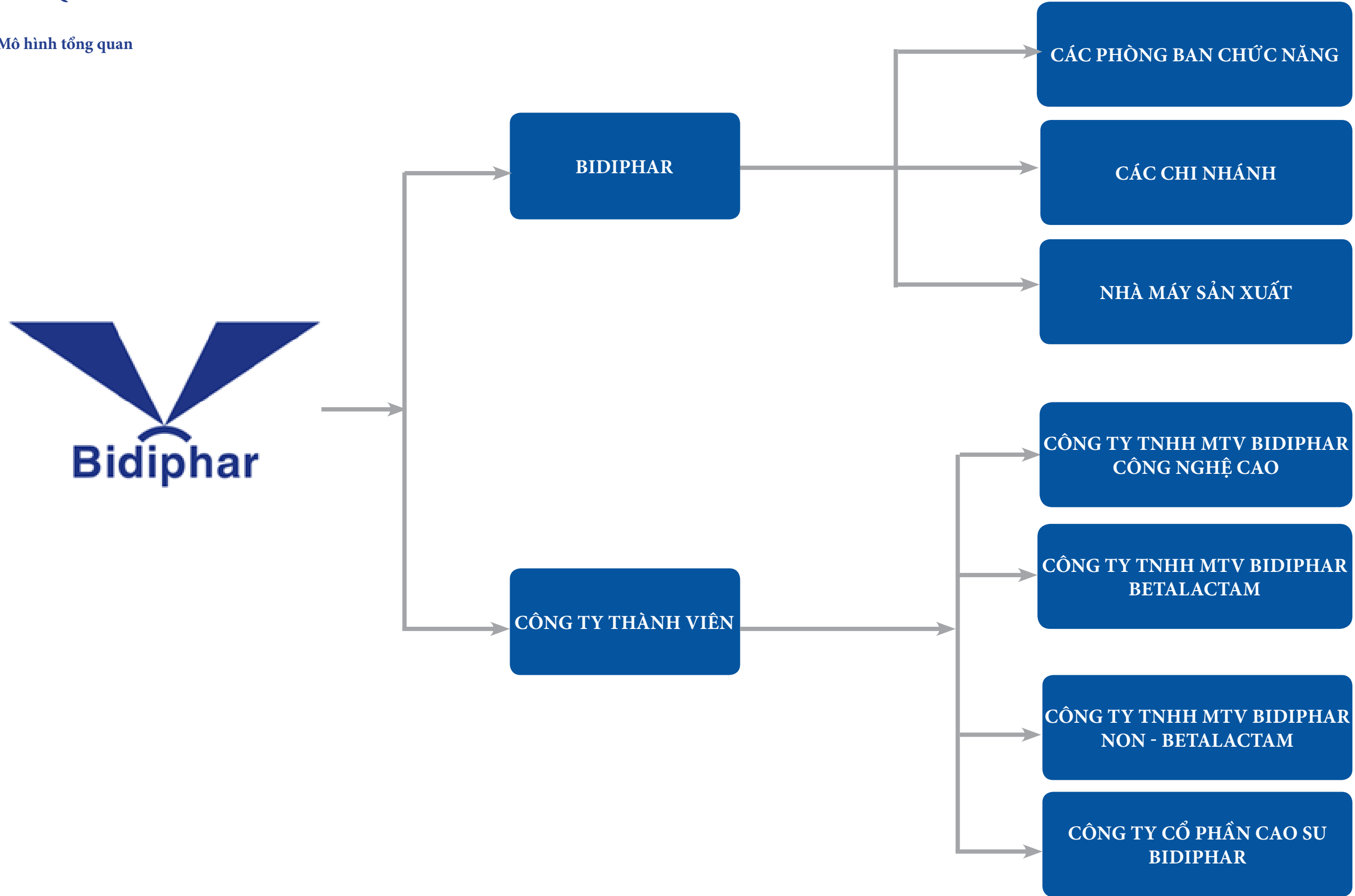
- **Phân phối trong nước**



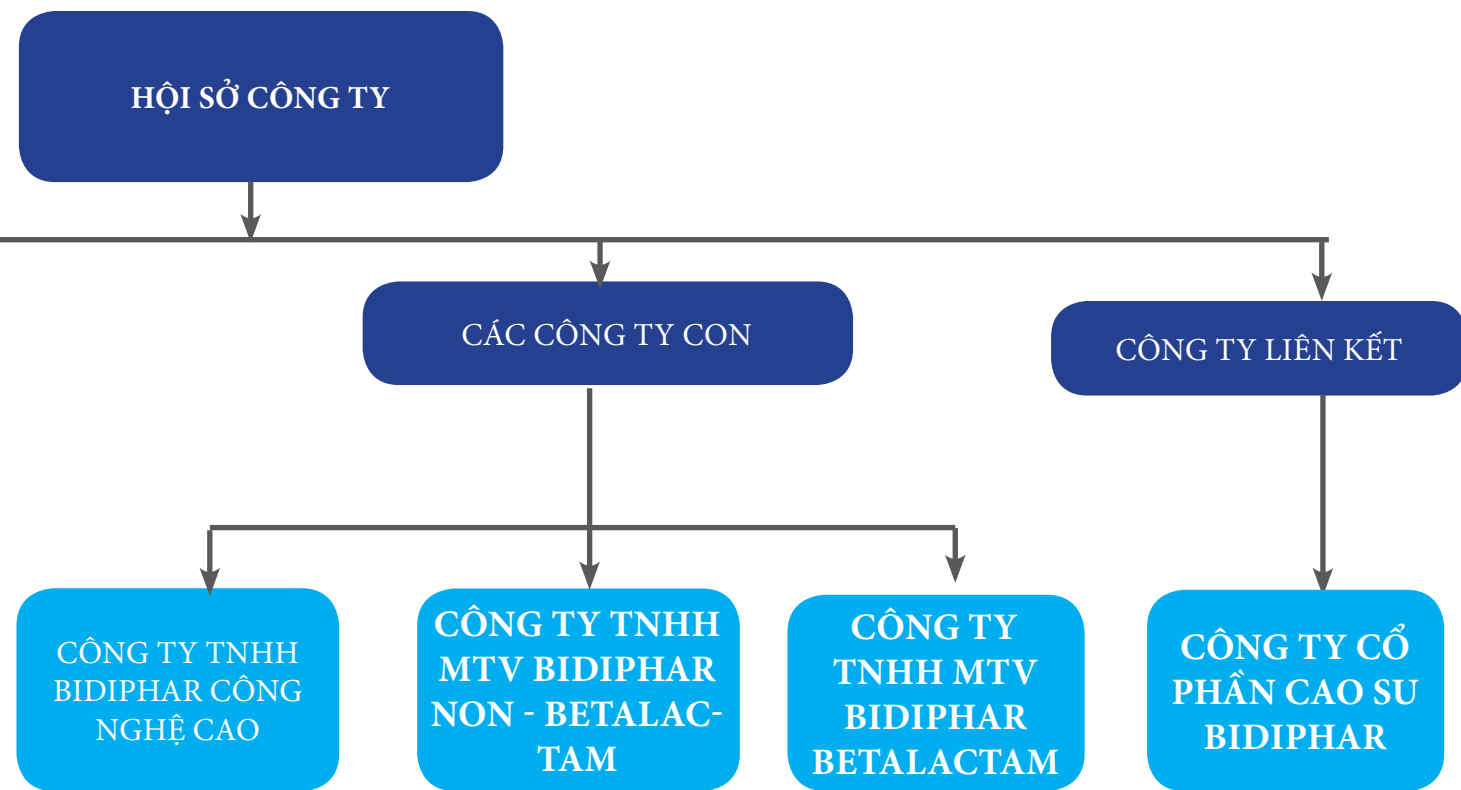
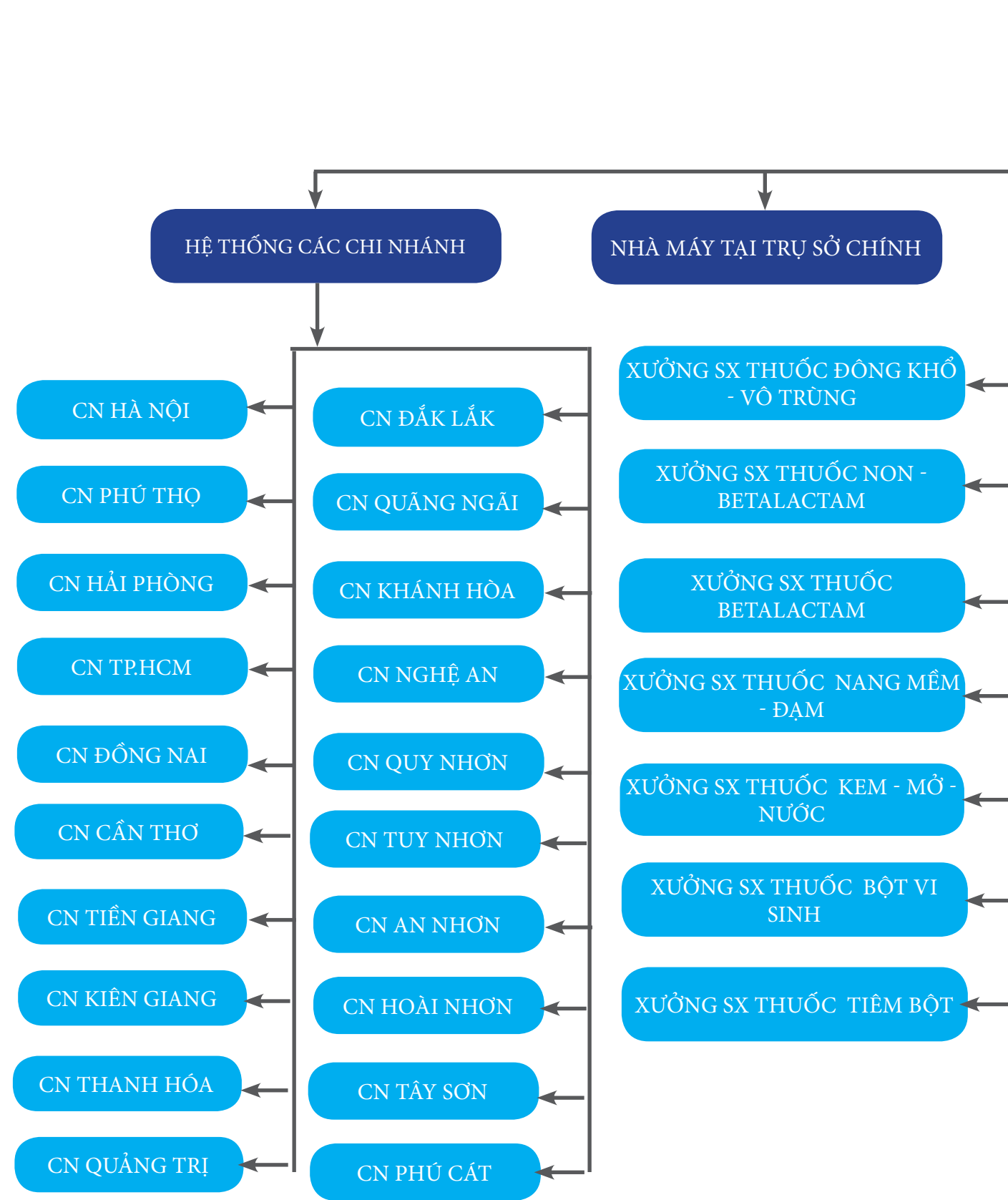
- **Phân phối ngoài nước:** Chủ yếu là Lào, Campuchia và Mông Cổ

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình tổng quan



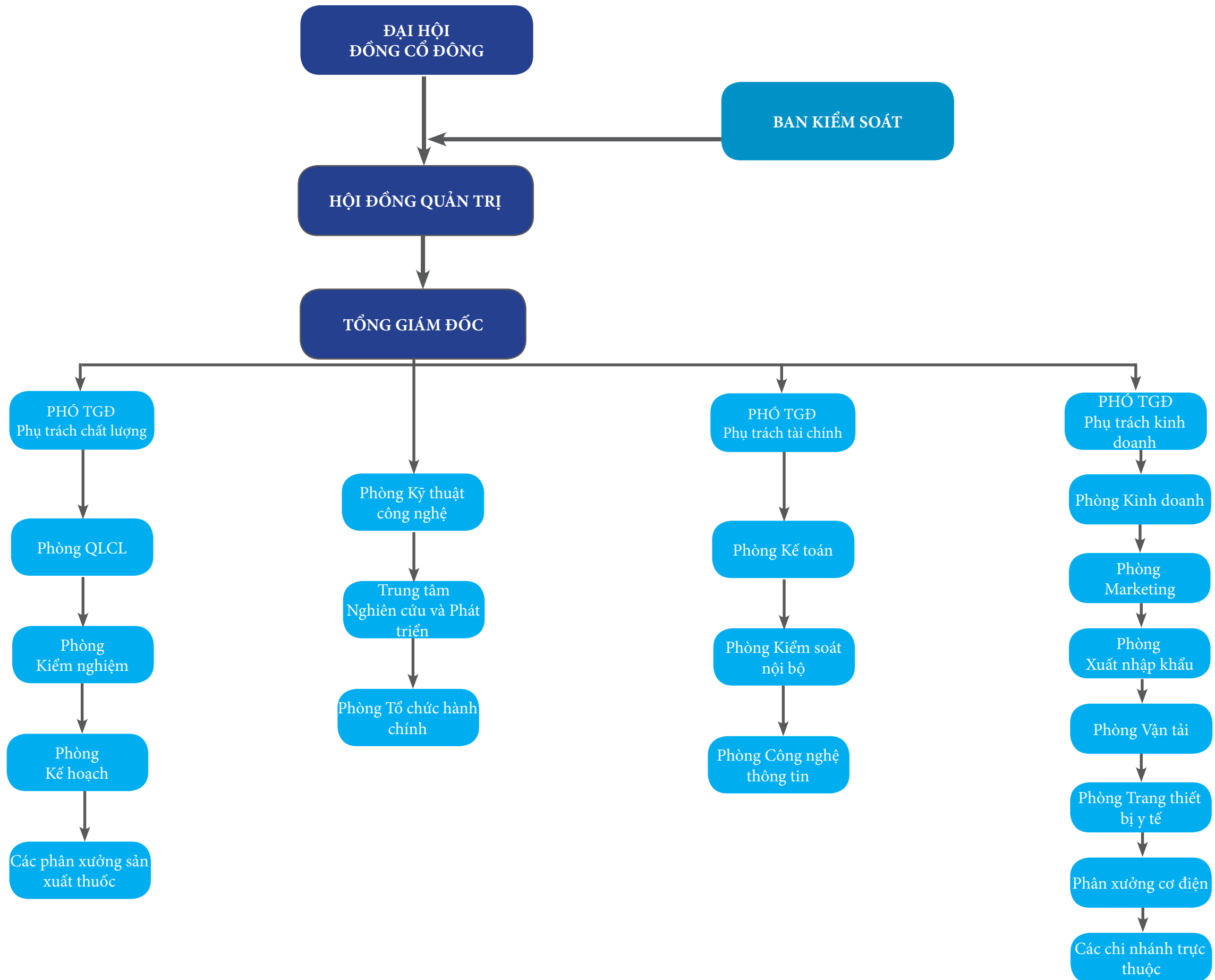
Mô hình quản trị chi tiết các đơn vị trực thuộc



CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Lĩnh vực hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%) của Bidiphar	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ
Công ty TNHH MTV Bidiphar Công nghệ cao	Bình Định	Sản xuất, kinh doanh dược phẩm	100%	100%
Công ty TNHH Bidiphar Betalactam	Bình Định	Sản xuất, kinh doanh dược phẩm	100%	100%
Công ty TNHH Bidiphar Non Betalactam	Bình Định	Sản xuất, kinh doanh dược phẩm	100%	100%
Công ty CP Cao su Bidiphar	Bình Định	Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và kinh doanh mủ cao su	33,58%	33,58%

Cơ cấu bộ máy quản lý



CÁC SẢN PHẨM DƯỢC PHẨM NỔI BẬT



CÁC SẢN PHẨM MỚI NĂM 2018

STT	Tên sản phẩm	Thành phần - hàm lượng	Dạng BC	Nhóm điều trị
1	Colirex 3MIU H/1+1	Colistimethat natri 3.000.000 IU	Tiêm đông khô	Kháng sinh
2	Bidizem MR 200	Diltiazem HCl 200mg	VNA (GPCKS)	Tim mạch
3	Epirubicin Bidiphar 50	Epirubicin 50mg/25ml	Tiêm đông khô	TUT
4	Bifotin 1g H/10	Cefoxitin 1g	Tiêm bột	Kháng sinh
5	Doxorubicin Bidiphar 50	Doxorubicin 50mg/25ml	Tiêm dung dịch	TUT
6	Epirubicin Bidiphar F50	Epirubicin 50mg	Tiêm dung dịch	TUT
7	Irinotecan Bidiphar 40mg/2ml	Irinotecan HCl trihydrat 40mg/2ml	Tiêm dung dịch	TUT
8	Vinorelbin Bidiphar 10mg/1ml	Vinorelbin 10mg/1ml	Tiêm dung dịch	TUT
9	Chorilin 1g	Cholin alfoferat 1000mg/4ml	Tiêm dung dịch	Thần kinh
10	Dưỡng Can Bidiphar	Cao khô cà gai leo 250mg; Cao khô mật nhân 250mg	VNA	TPBVSK
11	Nhất vị linh Bidiphar L/60	Cao khô chè dây 600mg	VNA	TPBVSK
12	Lazibet MR 60 H/30	Gliclazid 60mg	VNE (GPCKS)	Tim mạch
13	Ifosfamid Bidiphar 1g H/1	Ifosfamid 1g	Tiêm đông khô	TUT
14	Bidizem 60	Diltiazem 60mg	VNA	Tim mạch
15	Cisplatin Bidiphar 10mg/20ml	Cisplatin 10mg/20ml	Tiêm dung dịch	TUT
16	Nước cất pha tiêm 10ml	Nước cất pha tiêm 10ml	Tiêm dung dịch	
17	Nước cất pha tiêm 5ml	Nước cất pha tiêm 5ml	Tiêm dung dịch	
18	Độc hoạt tạng ký sinh Bidiphar		VNM	Đông dược

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

- Giữ vững và ổn định sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển kinh doanh trong giai đoạn 2018 – 2022;
 - Hoàn thiện xây dựng và đưa vào hoạt động nhà máy mới theo tiêu chuẩn GMP-EU/PICs là nhà máy thuốc điều trị ung thư trong năm 2019
- Tiếp tục đầu tư bổ sung, nâng cấp trang thiết bị, nhà xưởng cho các xưởng và phòng ban;
 - Tiếp tục nâng cao kỹ thuật sản xuất, đầu tư vào phát triển nghiên cứu các sản phẩm có giá trị gia tăng cao;
 - Tiếp tục đầu tư vào dự án dược liệu theo tiêu chuẩn “Thực hành tốt nuôi trồng và thu hái - GACP”;
- Tiếp tục đầu tư “Hệ thống quản trị doanh nghiệp - SAP ERP” giai đoạn 2, hệ thống bảo mật công nghệ thông tin và “Giải pháp quản lý hệ thống phân phối - DMS”;
 - Xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động quảng cáo, truyền thông sự kiện hỗ trợ cho công tác phát triển thương hiệu và xúc tiến bán hàng;
 - Nghiên cứu thị trường và đề xuất phát triển dòng sản phẩm thuốc điều trị ung thư mới, thực phẩm chức năng;
- Triển khai phương án bán hàng có hiệu quả các sản phẩm mới;
 - Tiếp tục nâng cao kỹ thuật sản xuất, nghiên cứu cải tiến đối với các trang thiết bị y tế hiện có của Công ty. Đồng thời, tập trung nghiên cứu, sáng tạo, phát triển các sản phẩm trang thiết bị y tế mới nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường.



CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Rủi ro tăng trưởng kinh tế

Kinh tế Việt Nam gặp nhiều khó khăn và đình trệ trong giai đoạn 2001 – 2015 nhưng đã cho thấy những tín hiệu phục hồi kể từ năm 2017 khi tốc độ tăng trưởng GDP cả hai năm liên tiếp 2017, 2018 lần lượt đạt 6,81% và 7,08%. Theo dự báo của các tổ chức kinh tế uy tín hàng đầu trên thế giới, Việt Nam từ năm 2019 vẫn là một điểm sáng trong khu vực với nền kinh tế được kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng trưởng trong giai đoạn tới do lợi ích từ các hiệp định tự do thương mại và đà tăng trưởng từ quá khứ. Điều này có ảnh hưởng tích cực đến tình hình kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp trên thị trường nói chung và DBD nói riêng.

Tăng trưởng GDP được duy trì ở mức khá giúp làm tăng thu nhập và cải thiện đời sống của người dân, từ đó dẫn đến sự tăng cao trong nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và cải thiện sức khỏe của người dân, tạo điều kiện phát triển cho ngành dược phẩm. Theo dự phóng của IMS Health, tốc độ tăng trưởng của các doanh nghiệp dược phẩm ở Việt Nam rơi vào khoảng 17%/năm, cao hơn so với trung bình ngành tại các nước mới nổi. Ngược lại, khi nền kinh tế suy thoái thì mức chi tiêu của người dân cũng sẽ bị giảm đi kéo theo sự sụt giảm của ngành, tuy nhiên do dược phẩm là nhóm ngành thiết yếu nên mức giảm của ngành sẽ thấp hơn mức giảm của nền kinh tế.

Rủi ro lạm phát

Lạm phát có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp vì nó gây tác động đến giá cả nguyên liệu đầu vào và giá bán ra của sản phẩm. Về các yếu tố trong nước, mục tiêu tăng trưởng GDP tương đối cao, trong khi mô hình tăng trưởng theo chiều rộng chưa đổi mới căn bản là nguyên nhân tạo sức ép lên lạm phát. Song Việt Nam cũng có nhiều thuận lợi để kiểm chế lạm phát như cung hàng hóa dồi dào, kinh tế vĩ mô ổn định, Chính phủ thực thi các biện pháp tiền tệ thắt chặt, vì vậy, từ năm 2016 đến nay, lạm phát hàng năm của Việt Nam có xu hướng giảm dần (năm 2018 là 3,54%) và năm 2019 lạm phát được dự báo ở mức dưới 4%. Đây là những tín hiệu tốt cho DBD để quản lý các chi phí sản xuất. Mặc dù tỷ lệ lạm phát trong những năm gần đây được duy trì khá ổn định nhưng không thể đảm bảo nền kinh tế Việt Nam không tiếp tục lặp lại các giai đoạn lạm phát cao như trước năm 2012, đặc biệt là trong bối cảnh kinh tế Việt Nam được dự báo tăng trưởng nhanh trở lại. Vì vậy, DBD vẫn luôn theo dõi những biến động của lạm phát để có hướng quản lý và điều chỉnh chi phí phù hợp.



CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Rủi ro lãi suất

Trong bối cảnh các nền kinh tế lớn trên thế giới suy giảm, suy thoái tăng trưởng quá nóng dẫn đến phải tăng lãi suất thì các chỉ số vĩ mô của Việt Nam vẫn đang giữ được sự ổn định, nhưng việc một số ngân hàng thương mại tăng lãi suất huy động gần đây khiến không ít người lo ngại sẽ gây áp lực lên mặt bằng lãi suất. Tuy nhiên, với định hướng thắt chặt tiền tệ, trong thời gian tới Ngân hàng Nhà nước sẽ tiếp tục kiểm soát chặt chẽ tăng trưởng tín dụng sau thời kỳ “thả phanh” cho các ngân hàng đẩy mạnh cho vay góp phần giải tỏa áp lực mặt bằng lãi suất huy động.

Theo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, hầu hết các tổ chức tín dụng đánh giá mặt bằng lãi suất cho vay sẽ tiếp tục ổn định trong năm 2019, trong đó có một số ít tổ chức tín dụng đánh giá dự báo lãi suất có thể tăng nhưng mức tăng rất nhẹ (khoảng 0,2%). Để phục vụ cho các hoạt động và dự án kinh doanh, DBD cũng sử dụng nguồn tài trợ từ các ngân hàng thương mại nên bất kỳ một sự thay đổi nào về lãi suất cũng sẽ ảnh hưởng đến dòng tiền và lợi ích của DBD, vì vậy, để giảm áp lực và rủi ro từ nợ vay, DBD đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm thắt chặt chi phí sử dụng vốn vay và tăng hiệu quả sử dụng vốn tự có.

Rủi ro luật pháp

Rủi ro luật pháp phát sinh do không áp dụng kịp thời, không phù hợp với các văn bản pháp luật trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngành dược là một trong những ngành chịu sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước do là ngành nghề kinh doanh ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe cộng đồng



Năm 2018 đánh dấu việc Bidiphar chính thức niêm yết trên sàn HOSE. Vì vậy, ngoài chịu sự quản lý của các văn bản pháp luật như luật Doanh nghiệp, luật Đầu tư, Luật Cạnh tranh, Luật Thương mại, luật Sở hữu trí tuệ,...thì DBD còn phải tuân thủ chặt chẽ các quy định của luật Chứng khoán và các văn bản dưới luật có liên quan. Ngoài ra, với bối cảnh toàn cầu hóa được đẩy nhanh như hiện tại, tình hình đòi hỏi các doanh nghiệp ngành Dược phải nắm rõ về luật pháp và thông lệ quốc tế. Vì vậy, DBD luôn theo dõi sát sao những thay đổi, hoàn thiện trong các bộ luật liên quan để điều chỉnh các phương pháp, quy trình sản xuất và phân phối nhằm vừa đảm bảo chất lượng thuốc vừa tuân thủ tốt những quy định của luật pháp.

Rủi ro đặc thù ngành

Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu

Đặc điểm của ngành Dược là nguyên liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm (khoảng 60%) trong khi các doanh nghiệp dược phẩm nội địa, trong đó có DBD phải nhập khẩu tới 90% nguyên liệu cho sản xuất thuốc tân dược từ nước ngoài như Trung Quốc, Ấn Độ, Đức, Pháp... nên sự biến động giá cả nguyên liệu đầu vào sẽ ảnh hưởng đáng kể đến lợi nhuận của công ty. Đặc biệt, theo thời gian, các bất ổn về thiên tai như lũ lụt, hạn hán và tình hình dịch bệnh trên thế giới diễn ra ngày càng phức tạp và có tần suất cao sẽ tác động mạnh đến việc dự trữ nguồn dược liệu dự phòng của các quốc gia và làm tăng giá dược liệu, làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của các đơn vị trong ngành, trong đó có Bidiphar.

Ngoài ra, độ trễ từ khi khi nguyên liệu đầu vào tăng giá đến khi hồ sơ kê khai lại giá thuốc của DBD cho cơ quan có thẩm quyền xem xét phê duyệt cũng sẽ khiến cho lợi nhuận của công ty bị ảnh hưởng đáng kể. Vì vậy, để góp phần hạn chế rủi ro biến động giá nguyên vật liệu đầu vào, công ty đã thiết lập và duy trì mối quan hệ uy tín đối với các nhà cung cấp lớn trên thị trường để đảm bảo có thể chủ động nguồn nguyên liệu với giá cả ổn định và xây dựng kế hoạch dự trữ nguyên vật liệu hợp lý nhằm giảm thiểu tác động khi thị trường biến động mạnh.

Từ đó, môi trường cạnh tranh sẽ ngày càng khốc liệt hơn buộc DBD phải thường xuyên cập nhật dây chuyền sản xuất hiện đại, nâng cao chất lượng sản phẩm, siết chặt quản lý các chi phí từ khâu sản xuất đến khâu phân phối mới có thể giữ được lợi thế cạnh tranh của mình.

Rủi ro cạnh tranh

Tuy có những điều kiện khắc khe để gia nhập ngành, thị trường vẫn chứng kiến sự xuất hiện của những doanh nghiệp dược phẩm mới khiến cho sức ép cạnh tranh giữa các công ty nội địa tiếp tục tăng cao, đặc biệt ngành dược hiện nay còn xuất hiện sự tham gia của các doanh nghiệp lớn ngoài ngành. Hơn nữa, trong thời gian gần đây, Việt Nam liên tục đàm phán và hoàn thiện các cam kết thương mại tự do khiến cho rào cản thuế quan cũng như hạn chế liên quan đến việc kinh doanh xuất nhập khẩu thuốc sẽ dần được gỡ bỏ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp ngoại với năng lực tài chính và công nghệ cao gia nhập thị trường nội địa, có thể kể đến những cái tên như Taisho, Abbott và Magbi Fund Limited.

CÁC NHÂN TỐ RỦI RO



Rủi ro hàng giả, hàng nhái

Dược phẩm có tầm quan trọng sống còn đối với hệ thống chăm sóc sức khỏe của mọi người nhưng việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm này ngày càng gia tăng cả về quy mô lẫn mức độ. Theo thống kê của Cục Sở hữu trí tuệ, trong ngành dược phẩm, mỗi năm có hơn 3.000 trường hợp vi phạm nhãn hiệu hàng hóa và cạnh tranh không lành mạnh. Thuốc giả không chỉ gây hại nghiêm trọng đến sức khỏe và tính mạng của người sử dụng mà còn ảnh hưởng tới các công ty sản xuất dược phẩm chân chính. Vì vậy, để ngăn chặn tình trạng thuốc giả và kém chất lượng, Cục Quản lý dược và các cơ quan chức năng đã thường xuyên thực hiện việc kiểm tra chất lượng thuốc nhập khẩu, đẩy mạnh việc lấy mẫu và hậu kiểm thuốc sau khi đăng ký lưu hành. Riêng đối DBD, công ty đã thực hiện đăng ký bảo hộ các nhãn hiệu hàng hóa quốc gia và có hiệu lực trên toàn lãnh thổ nước Việt Nam, đồng thời DBD cũng đang cố gắng đầu tư cho hoạt động truyền thông, quảng bá sản phẩm cũng như nâng cao chất lượng mẫu mã bao bì và khâu nhận diện thương hiệu để hạn chế sự lây lan của hàng giả, hàng nhái trên thị trường.



Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro trên, DBD còn chịu những rủi ro bất khả kháng như thiên tai, cháy nổ, tai nạn nghề nghiệp,... đều gây ra những thiệt hại cho công ty và người lao động. Chính vì vậy, để hạn chế những mất mát khi những rủi ro này xảy ra, DBD luôn thực hiện tốt chính sách bảo hiểm cho người lao động và tài sản của công ty.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
- TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN
- TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



Năm 2018 là một năm có nhiều biến động và khó khăn của ngành Dược nói chung và Bidiphar nói riêng liên quan đến sự cạnh tranh khốc liệt trong ngành dược hiện nay với sự tham gia của các doanh nghiệp lớn ngoài ngành và các tập đoàn dược phẩm nước ngoài (Taisho, Abbott, Magbi Fund Limited..), bên cạnh đó là các rào cản liên quan đến giá nguyên vật liệu đầu vào tăng cao cùng với sự thay đổi liên tục các quy định về chính sách đấu thầu thuốc.

Đứng trước khó khăn như vậy, lãnh đạo Bidiphar cùng với tập thể CBCNV đã nỗ lực đưa ra các giải pháp tháo gỡ và quyết tâm hoàn thành các kế hoạch đề ra. Dưới sự định hướng của HĐQT, sự quan tâm giúp đỡ của các Sở, Ban, Ngành, Công ty Bidiphar đã đạt được những kết quả khả quan trong năm 2018.

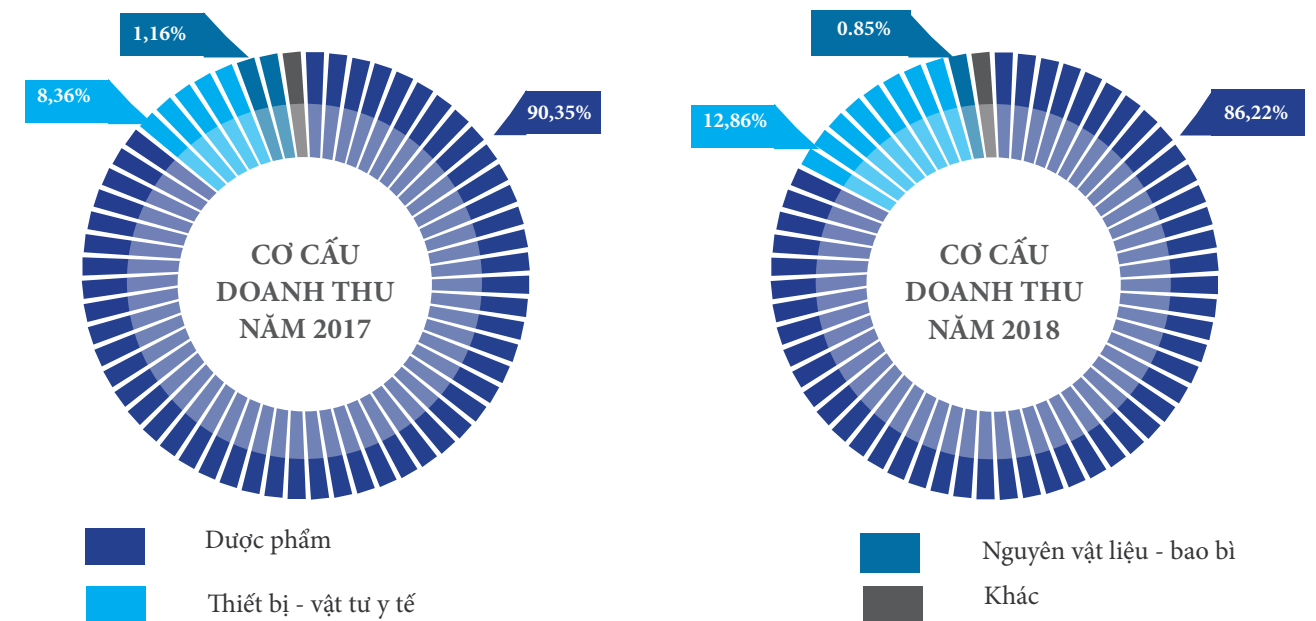
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2017	KH 2018	TH 2018	TH 2018/ KH 2018	TH 2018/ TH 2017
1	Tổng doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	1.459,52	1.600	1.474,02	92%	101%
2	Giá trị kim ngạch XK	Nghìn USD	1.107,96	900	925,04	103%	83%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	203,60	197	201,03	102%	99%
5	Thu nhập bình quân	Triệu đồng	8,5	8,5	8,5	100%	100%
6	Tỷ lệ chia cổ tức	%/Vốn điều lệ	15%	15%	15%	100%	100%

Kết thúc năm 2018, Bidiphar ghi nhận tổng doanh thu đạt 1.474 tỷ đồng, tăng nhẹ 1% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu là do công ty thực hiện giảm giá cho các đơn hàng đấu thầu vào bệnh viện.

Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm

Khoản mục	Đơn vị tính	Năm 2017		Năm 2018	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Dược phẩm	Triệu đồng	1.318.634	90,35	1.270.844	86,22
Thiết bị - vật tư y tế	Triệu đồng	122.067	8,36	189.487	12,86
Nguyên vật liệu - bao bì	Triệu đồng	16.884	1,16	12.474	0,85
Khác	Triệu đồng	1.937	0,13	1.214	0,08
Doanh thu	Triệu đồng	1.459.521	100	1.474.019	100

Doanh thu của công ty được đóng góp từ hai mảng hoạt động chính là sản xuất kinh doanh dược phẩm và trang thiết bị y tế. Trong đó, doanh thu từ hoạt động sản xuất và kinh doanh dược phẩm luôn chiếm tỷ trọng cao nhất với mức đóng góp bình quân hằng năm là 90% trong cơ cấu doanh thu của Bidiphar. Cụ thể trong năm 2018, doanh thu đạt được từ hoạt động sản xuất kinh doanh dược phẩm đạt 1.474.019 triệu đồng. Trong đó, phần lớn doanh thu kinh doanh dược phẩm đến từ kênh điều trị (ETC – kênh đấu thầu tại Sở và bệnh viện), chiếm khoảng trên 70%, trong đó tỷ trọng doanh thu đến từ kênh OTC (kênh bán lẻ tại các nhà thuốc) chỉ chiếm khoảng 23% trong tổng doanh thu và mục tiêu của Bidiphar sẽ nâng tỷ trọng lên đến 40% trong những năm tới. Chiếm tỷ trọng cao thứ hai trong cơ cấu doanh thu của Công ty là mảng kinh doanh trang thiết bị - vật tư y tế. Mảng kinh doanh này đóng góp trung bình 8% trong cơ cấu doanh thu hằng năm của Bidiphar. Cụ thể, trong năm 2018, doanh thu đạt được từ kinh doanh trang thiết bị - vật tư y tế là 189.487 triệu đồng, chiếm 12,86% cơ cấu doanh thu. Doanh thu từ các mảng hoạt động khác (Nguyên vật liệu, bao bì,...) đóng góp tỷ lệ không đáng kể trong nguồn thu của công ty.



Cơ cấu lợi nhuận gộp theo sản phẩm

Khoản mục	Đơn vị tính	Năm 2017		Năm 2018	
		Giá trị	Biên lợi nhuận gộp (%)	Giá trị	Biên lợi nhuận gộp (%)
		Dược phẩm	Triệu đồng	480.879	38,53
Thiết bị - vật tư y tế	Triệu đồng	7.525	6,21	9.515	5,03
Nguyên vật liệu - bao bì	Triệu đồng	1.825	10,81	2.257	18,10
Khác	Triệu đồng	443	22,87	467	38,43
Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	490.672	35,35	428.128	30,56

Là mảng hoạt động đóng góp tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu doanh thu thuần của Công ty, sản xuất và kinh doanh dược phẩm cũng là mảng có biên lợi nhuận gộp cao nhất khi hai năm 2017 và 2018 đạt lần lượt 38,53% và 34,71%.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

Trong năm 2018, DBD đã thực hiện các dự án đầu tư quy mô lớn nhằm tận dụng tối đa lợi thế theo quy mô của công ty hướng tới mục tiêu gia tăng lợi ích cho cổ đông:

- Trong năm 2018 tổng giá trị đã đầu tư 48,5 tỷ đồng, bao gồm các hạng mục: Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thuốc tiêm đông khô điều trị ung thư: 28,5 tỷ đồng; Tiếp tục đầu tư cho Trung tâm nghiên cứu và các phân xưởng Đông khô, PX thuốc Viên... nhằm đổi mới công nghệ và nâng cao công suất sản xuất 20 tỷ đồng;
- Dự án nhà máy sản xuất Bidiphar Công nghệ cao: Nhà máy sản xuất thuốc điều trị ung thư hoàn chỉnh thiết kế và đã khởi công vào tháng 08/2018, các hạng mục chính như dây chuyền thiết bị sản xuất đã tiến hành chọn nhà cung cấp và ký hợp đồng thực hiện, một số hạng mục khác sẽ tiến hành vào năm 2019 và dự kiến hoàn thành dây chuyền sản xuất thuốc tiêm – tiêm đông khô vào tháng 08/2019.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018	%Tăng/giảm
1	Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	1.544.190	1.434.341	(7,11)
2	Doanh thu	Triệu đồng	1.459.521	1.474.019	0,99
3	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	Triệu đồng	202.930	201.011	(0,95)
4	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	666,12	15,15	-
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	203.596	201.026	(1,26)
6	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	164.391	163.005	(0,84)
7	EPS	Đồng	2.825	2.801	(0,85)

Tổng giá trị tài sản của công ty giảm nhẹ từ 1.544.190 triệu đồng năm 2017 xuống 1.434.341 triệu đồng năm 2018, tương đương với mức giảm 7,11%. Trong đó, tài sản ngắn hạn giảm 8,44% chủ yếu do công ty giảm nắm giữ các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn; tài sản dài hạn giảm nhẹ 3,65% do mức khấu hao lũy kế tăng so với năm 2017.

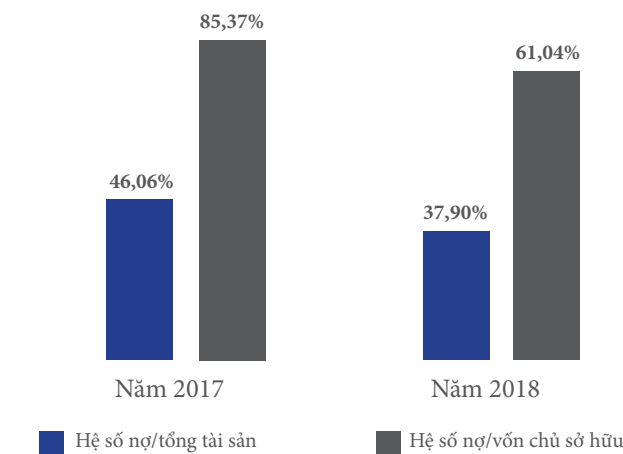
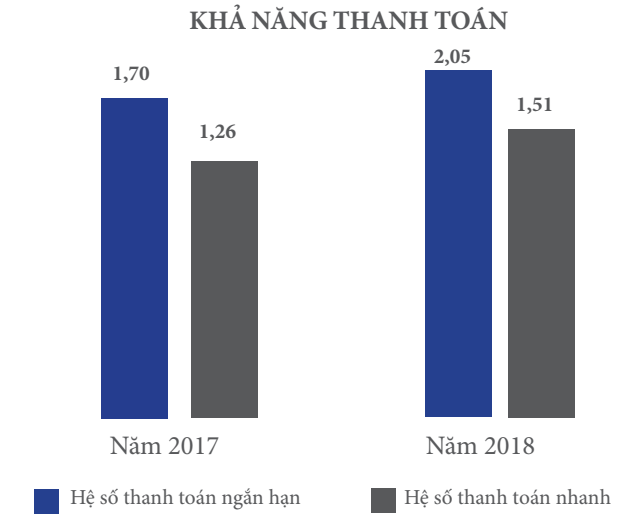
Nhờ các biện pháp quản lý chi phí hiệu quả như vận chuyển hàng hóa trên một tuyến đường, tiết giảm chi phí cho nhân viên đồng thời tăng năng suất lao động..., lợi nhuận sau thuế của Bidiphar vẫn giữ ở mức 163 tỷ đồng, giảm nhẹ 0,84% so với năm 2017.

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2017	2018
1 Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,70	2,05
-	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,26	1,51
2 Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
-	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	46,06	37,90
-	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	85,37	61,04
3 Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
-	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,45	3,48
-	Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,93	0,94
4 Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	11,84	11,63
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	20,47	18,91
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	%	11,04	10,95
-	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	14,62	14,35

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

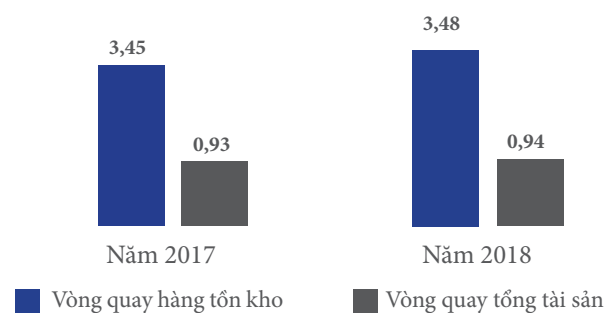
Các hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh phản ánh khả năng của doanh nghiệp trong việc thanh toán các khoản nợ vay ngắn hạn. Các khoản nợ ngắn hạn này của DBD chủ yếu được vay từ Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Bình Định để bổ sung vốn lưu động nhằm phục vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Cả hai hệ số này của DBD đều tăng lên trong năm 2018, cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh lần lượt tăng từ 1,7 và 1,26 vào năm 2017 lên 2,05 và 1,51 vào năm 2018. Điều này cho thấy tình hình tài chính của công ty vẫn giữ được sự ổn định và an toàn qua các năm, đảm bảo yêu cầu thanh toán được các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn.

**Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**

Tỷ trọng nợ vay trong cơ cấu nguồn vốn của công ty có xu hướng giảm dần qua thời gian khi hệ số nợ/ tổng tài sản giảm từ 46,06% vào cuối năm 2017 xuống còn 37,90% vào cuối năm 2018. Nguyên nhân vì trong năm qua, công ty đã tất toán được nhiều các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại BIDV chi nhánh Bình Định, Vietcombank chi nhánh Quy Nhơn, Vietinbank chi nhánh Bình Định làm cho tổng nợ tại các ngân hàng này giảm từ 195.700 triệu đồng vào đầu năm còn 95.986 triệu đồng vào thời điểm cuối năm. Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu trong các năm trở lại đây của công ty ở mức thấp. Năm 2018, nguồn vốn từ nợ vay chỉ chiếm 61,04% nguồn vốn tự có, điều đó cho thấy DBD phần lớn sử dụng vốn tự có để tài trợ cho các hoạt động sản xuất, phân phối và kinh doanh sản phẩm, không bị lệ thuộc cao vào nợ vay. Nhìn chung, cơ cấu nguồn vốn của Bidiphar trong những năm qua là phù hợp, đảm bảo tỷ lệ tự chủ an toàn tài chính trong hoạt động kinh doanh.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

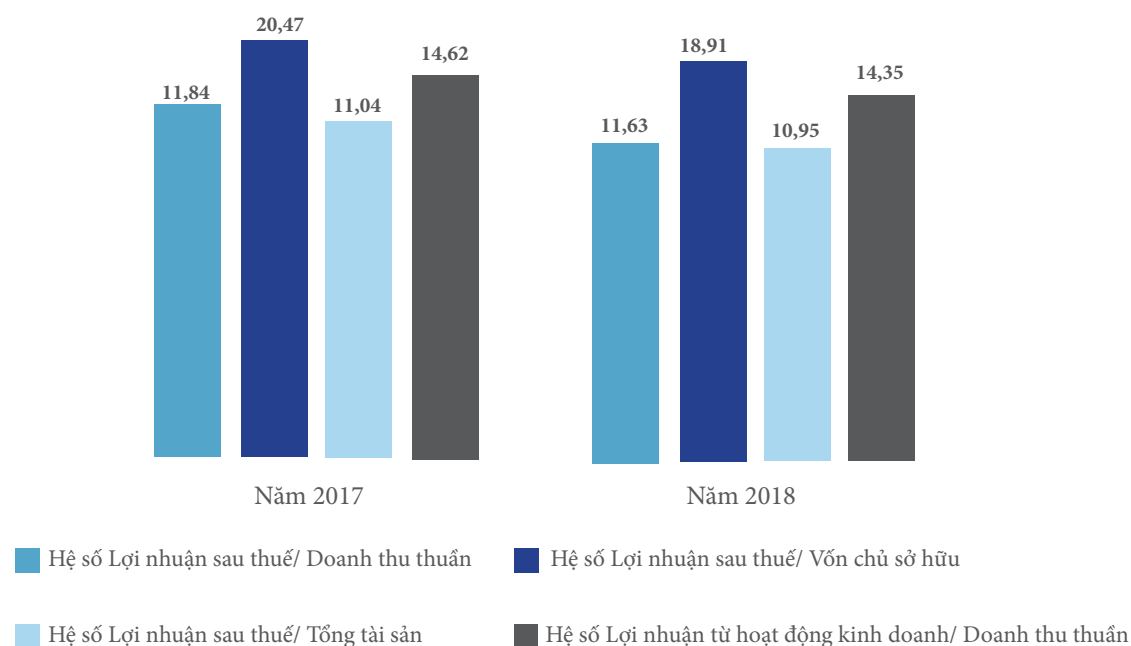
Vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản không biến động nhiều vào năm 2018. Số vòng quay hàng tồn kho của DBD năm 2018 có sự tăng nhẹ so với năm 2017, cụ thể là tăng 3,45 vòng lên 3,48 vòng. Nguyên nhân là vì trong năm 2018, giá vốn hàng bán tăng 8,39% do sự tăng lên của chi phí nguyên vật liệu đầu vào và biến động của tỷ giá ngoại tệ, trong khi đó giá trị hàng tồn kho lại giảm 6,96% so với năm 2017.



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Nhìn chung, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của công ty trong hai năm gần đây cho thấy xu hướng tăng trưởng ổn định của DBD. Hai hệ số ROE và ROA mặc dù có giảm nhẹ so với năm 2017 lần lượt đạt 18,91% và 10,95% nhưng vẫn giữ ở mức phù hợp với trung bình ngành (Ngành Dược có ROE và ROA trung bình tương ứng là 18% và 12%). Nguyên nhân là vì mặc dù doanh thu bán hàng năm 2018 của DBD không có nhiều biến động so với năm trước đó nhưng giá vốn hàng bán lại tăng tương đối mạnh từ 897.555 triệu đồng lên 972.896 triệu đồng do nguồn cung nguyên vật liệu bị hạn chế khiến cho lợi nhuận gộp giảm 12,75%.

Mặc dù giá vốn hàng bán tăng khiến cho lợi nhuận gộp giảm 62,5 tỷ đồng, tương đương mức giảm 12,75% so với năm 2017 nhưng nhờ thực hiện có hiệu quả các biện pháp quản lý chi phí trong quá trình hoạt động của công ty nên lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh chỉ giảm nhẹ 0,95% giúp cho hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần đạt 14,35%.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần tại ngày 31/12/2018

- Vốn điều lệ: 523.790.000.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 52.379.000.000 cổ phiếu
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Cổ phiếu phổ thông: 52.379.000.000 cổ phiếu
- Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 52.378.915 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 85 cổ phiếu.

Cơ cấu cổ đông

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng CP năm giữ	Tỷ lệ năm giữ (%)
1	Nhà nước	1	6.984.955	13,335
2	Cổ đông trong nước	1.838	45.326.360	0,000
+	Tổ chức	17	4.988.579	9,524
+	Cá nhân	1821	40.337.781	777,011
3	Cổ đông nước ngoài	2	67.600	0,000
+	Tổ chức	1	67.400	0,129
+	Cá nhân	1	200	0,000
4	Cổ phiếu quỹ	-	85	0,000
Tổng cộng		1841	52.379.000	100,000

Danh sách cổ đông lớn

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ phần đang nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Quỹ Đầu tư và Phát triển Bình Định	6.984.955	13,335

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

Giao dịch cổ phiếu: Không

Các chứng khoán khác: Không

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN ĐIỀU HÀNH
- BAN KIỂM SOÁT
- TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THỰC PHẨM
(BIDIPHAR)

Quy Nhơn, ngày 26 tháng



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Văn Quá	Chủ tịch HĐQT
2	Bà Phạm Thị Thanh Hương	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Ông Huỳnh Ngọc Oanh	Thành viên HĐQT
4	Ông Nguyễn Thanh Giang	Thành viên HĐQT
5	Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên HĐQT
6	Bà Nguyễn Thị Mai Hoa	Thành viên HĐQT
7	Bà Nguyễn Thị Mai Anh	Thành viên HĐQT

Sơ yếu lí lịch thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Văn Quá - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ngày sinh	02/02/1961
Nơi sinh	Hoài Nhơn, Bình Định
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Kinh tế Công nghiệp
Quá trình công tác	
05/1983 – 12/1989	Công tác tại Xí nghiệp Dược phẩm 2 Nghĩa Bình
01/1990 – 05/1995	Phó Giám đốc Xí nghiệp Dược phẩm Bình Định
06/1995 – 11/2006	Phó Giám đốc Công ty Dược – TTBYT Bình Định
12/2006 - 2008	Phó Tổng Giám đốc Công ty Dược – TTBYT Bình Định
01/2009 - 2010	Tổng Giám đốc Công ty Dược – TTBYT Bình Định
2010 – 02/2014	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty Dược – TTBYT Bình Định
03/2014 - nay	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty Cổ phần Dược – TTBYT Bình Định
02/2016 - nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản Biotan
Số lượng cổ phần nắm giữ	471.095 cổ phần
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	0,90% Vốn điều lệ

Bà Phạm Thị Thanh Hương - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh	10/07/1965
Nơi sinh	Sơn Tây, Hà Nội
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Dược
Quá trình công tác	
1989 - 2001	Công tác tại Xí nghiệp Dược Bình Định
2001 - 2007	Phó Giám đốc Sở Y tế Bình Định
2007 - 2009	Phó Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Bình Định
2010 – 02/2014	Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Dược – TTBYT Bình Định
03/2014 - nay	Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Dược – TTBYT Bình Định
Số lượng cổ phần nắm giữ	339.353 cổ phần
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	0,65% Vốn điều lệ

Ông Nguyễn Thanh Giang - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh	05/12/1967
Nơi sinh	An Nhơn, Bình Định
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính – Kế toán
Quá trình công tác	
10/1990 – 05/1995	Kế toán viên – Xí nghiệp dược phẩm Bình Định
06/1995 – 01/2000	Phó phòng Kế toán - Công ty Dược – TTBYT Bình Định
01/2000 – 03/2009	Kế toán trưởng – Công ty Dược – TTBYT Bình Định
04/2009 – 02/2014	Thành viên HĐQT, Phó TGD Công ty Dược – TTBYT Bình Định
03/2014 - nay	Thành viên HĐQT, Phó TGD Công ty Cổ phần Dược – TTBYT Bình Định
12/2012 - nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Muối và Thực phẩm Bình Định
Số lượng cổ phần nắm giữ	363.364 cổ phiếu
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	0,69% Vốn điều lệ

Ông Huỳnh Ngọc Oanh - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh	11/04/1963
Nơi sinh	Phù Cát, Bình Định
Trình độ chuyên môn	Dược sĩ Đại học
Quá trình công tác	
04/1988 – 12/1991	Công tác tại Công ty Dược Tuy Phước, Bình Định
01/1992 - 1996	Công tác tại Trạm đại diện Công ty Dược – TTBYT Bình Định, TP.HCM
01/1997 – 09/2010	Giám đốc chi nhánh Công ty Dược – TTBYT Bình Định tại TP.HCM
10/2010 - 09/2011	Giám đốc khu vực phía Nam kiêm Giám đốc chi nhánh Công ty Dược – TTBYT Bình Định tại TP.HCM
10/2011 – 02/2014	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Dược – TTBYT Bình Định
03/2014 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược – TTBYT Bình Định
Số lượng cổ phần nắm giữ	493.908 cổ phần
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	0,84% Vốn điều lệ

Bà Nguyễn Thị Mai Hoa- Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

Ngày sinh	19/07/1965
Nơi sinh	Ninh Bình
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán
Quá trình công tác	
08/1987 – 12/1989	Kế toán tại Xí nghiệp Liên hiệp Dược Nghĩa Bình
01/1990 – 05/1995	Kế toán tại Công ty Dược - Vật tư y tế Bình Định
06/1995 – 09/2006	Kế toán tại Công ty Dược – TTBYT Bình Định
10/2006 – 04/2008	Phó phòng Kế toán tại Công ty Dược – TTBYT Bình Định
05/2008 – 08/2009	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dược phẩm Bidiphar 1
09/2009 – 02/2014	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng Công ty Dược – TTBYT Bình Định
03/2014 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng Công ty Dược – TTBYT Bình Định
Số lượng cổ phần nắm giữ	291.076 cổ phần
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	0,56% Vốn điều lệ

Ông Nguyễn Văn Thịnh - Thành viên HĐQT

Ngày sinh	01/01/1963
Nơi sinh	Tuy Phước, Bình Định
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	
12/1987 – 09/2000	Kế toán trưởng tại Công ty Dược An Nhơn, Bình Định
09/2000 – 04/2005	Kế toán trưởng xí nghiệp nước khoáng trực thuộc Công ty Dược – TTBYTBĐ
05/2005 – 06/2007	Giám đốc XN nước khoáng trực thuộc Công ty Dược – TTBYT Bình Định
07/2007 – 11/2009	Giám đốc Công ty TNHH Nước khoáng trực thuộc Công ty Dược – TTBYT Bình Định
11/2009 - nay	Chủ tịch HĐQT kiêm GD Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn
07/2007 – 02/2014	Thành viên HĐQT Công ty Dược – TTBYT Bình Định
03/2014 - nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dược – TTBYT Bình Định
Số lượng cổ phần nắm giữ	106.546 cổ phần
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	0,84% Vốn điều lệ

Bà Nguyễn Thị Mai Anh - Thành viên HĐQT

Ngày sinh	05/11/1973
Nơi sinh	Hà Nội
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán
Quá trình công tác	
03/1997 – 10/1999	Công tác tại Cục Quản lý vốn và tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp Bình Định (Phòng Nghiệp vụ I)
10/1999 – 08/2010	Chuyên viên tại phòng Tài chính Doanh nghiệp – Sở Tài chính Bình Định
09/2010 – 12/2015	Phó Trưởng Phòng Tài chính Doanh nghiệp – Sở Tài chính Bình Định
03/2014 - nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Dược – TTBYT Bình Định
01/2016 - nay	Trưởng Phòng Tài chính doanh nghiệp – Sở Tài chính Bình Định và Thành viên HĐQT Công ty CP Dược – TTBYT Bình Định
Số lượng cổ phần nắm giữ	10.000 cổ phần
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	0,02% Vốn điều lệ

BAN ĐIỀU HÀNH**Danh sách thành viên Ban điều hành**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Văn Quá	Tổng Giám đốc
2	Bà Phạm Thị Thanh Hương	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Huỳnh Ngọc Oanh	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Nguyễn Thanh Giang	Phó Tổng Giám đốc
5	Bà Nguyễn Thị Mai Hoa	Kế toán trưởng

Sơ yếu lý lịch thành viên Ban điều hành: Xem phần lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Quang Việt	Trưởng Ban
2	Bà Nguyễn Thị Hằng Nga	Thành viên
3	Bà Trình Phương Mai	Thành viên

Sơ yếu lý lịch thành viên Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Quang Việt - Trưởng Ban Kiểm soát	
Ngày sinh	08/07/1982
Nơi sinh	Quy Nhơn – Bình Định
Trình độ chuyên môn	Đại học Kế toán – Kiểm toán
Quá trình công tác	
09/2005 – 09/2009	Nhân viên kế toán Công ty cổ phần XNK Thủy sản Miền Trung (Seaprodex Đà Nẵng)- Chi nhánh Hồ Chí Minh
10/2009 – 12/2010	Nhân viên phòng Kế hoạch Công ty Cổ phần Dược phẩm Bidiphar 1
01/2011 – 06/2013	Nhân viên phòng Kế toán Công ty Cổ phần Dược phẩm Bidiphar 1
07/2013 – 12/2014	Phó phòng Kế toán Công ty Cổ phần Dược phẩm Bidiphar 1
01/2015 – 04/2018	Tổ trưởng Tổ Kiểm soát nội bộ Công ty Cổ phần Dược –TTBYT Bình Định
04/2018 - nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định
Số lượng cổ phần nắm giữ	50.520 cổ phần
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	0,1% Vốn điều lệ

Bà Nguyễn Thị Hằng Nga - Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày sinh	27/05/1971
Nơi sinh	Hà Nội
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán
Quá trình công tác	
1991 – 1992	Công nhân PX thuốc tiêm, công ty Dược – TTBYT Bình Định
1992 - 1993	Học dược tá tại Sở Y tế Bình Định
1994 - 2000	Học Đại học kế toán tại Trung tâm Giáo dục Thường xuyên Bình Định
2000 - 2008	Nhân viên bán hàng tại Phòng Kinh doanh - Công ty Dược – TTBYT Bình Định
2009 – 04/2015	Phó phòng Kinh doanh thuộc Phòng Kinh doanh - Công ty Dược – TTBYT Bình Định
04/2015 – 04/2018	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định
04/2018 - nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định
Số lượng cổ phần nắm giữ	95.460 cổ phần
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	0,18%

Bà Trình Phương Mai - Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày sinh	22/07/1989
Nơi sinh	Quy Nhơn, Bình Định
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán
Quá trình công tác	
04/2012 - nay	Chuyên viên Phòng Thẩm Định Đầu tư – Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Định
03/2014 - nay	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Dược – TTBYT Bình Định
Số lượng cổ phần nắm giữ	6.000 cổ phần
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	0,01% Vốn điều lệ

TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số lượng cán bộ, nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ trọng (%)
I	Phân loại theo giới tính	1.191	100
1	Nam	605	50,80
2	Nữ	586	49,20
III	Phân loại theo tính chất lao động	1.191	100
1	Trực tiếp sản xuất	719	60,37
2	Không trực tiếp sản xuất	472	39,63

Mức thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019 (Dự kiến)
Mức lương bình quân (Triệu đồng/người/tháng)	8,5	8,5	8,5

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực đối với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp, Bidiphar đã tạo mọi điều kiện cho người lao động, đặc biệt là lao động có trình độ, có tay nghề cao được yên tâm, gắn bó lâu dài với Công ty. Vì vậy, chính sách đãi ngộ lao động luôn được Bidiphar xem trọng và liên tục cải thiện. Tại Bidiphar, người lao động được hưởng các chế độ tiền lương, tiền thưởng theo quy chế rõ ràng. Công ty luôn chú trọng đến việc xây dựng hệ thống lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ cho người lao động phù hợp với từng thời kỳ và từng giai đoạn phát triển, đảm bảo tính linh hoạt, công bằng, tương xứng với mức độ cống hiến của từng cá nhân và đủ sức cạnh tranh trong thị trường lao động.

Một số chính sách cho người lao động theo quy định của Công ty

- 100% CBCNV được tham gia Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế;
- Bảo hộ lao động, đồng phục đầy đủ và thường xuyên nâng cao chất lượng.
- Tổ chức cho người lao động được tham quan, nghỉ mát và tham gia các phong trào Văn thể mỹ là các hoạt động thường niên của Công ty;
- Chế độ thưởng tháng lương thứ 13; thưởng nhân các dịp lễ, tết; thưởng tăng ca; thưởng sáng kiến, cải tiến kỹ thuật; thưởng đột xuất... luôn được áp dụng;
- Những tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc sẽ được tôn vinh và khen thưởng xứng đáng, kịp thời, công khai và công bằng; các danh hiệu thi đua cuối năm cho tập thể, cá nhân cũng được thưởng theo Quy chế Thi đua khen thưởng do Công ty ban hành;
- Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần (quà tặng cưới hỏi, ốm đau, hiếu hỷ, học bổng, ngày quốc tế thiếu nhi, rằm trung thu, quốc tế phụ nữ...);
- Đồng thời, Bidiphar có chính sách quy hoạch nguồn cán bộ lâu dài từ những cán bộ, nhân viên có tâm huyết, đủ trình độ, năng lực, có thành tích trong lao động được Ban TGD, Hội đồng thi đua của Bidiphar đánh giá cao để đưa vào nguồn cán bộ quy hoạch dài hạn cho Công ty. Những cán bộ thuộc diện quy hoạch sẽ được bồi dưỡng, đào tạo bổ sung kiến thức chuyên môn, quản lý để điều hành các hoạt động của Công ty trong những năm tiếp theo. Bên cạnh đó, Công ty cũng rất chú trọng việc chiêu mộ những nhân sự bên ngoài có trình độ cao, có năng lực thật sự về làm việc lâu dài cho Công ty bằng chính sách đãi ngộ đặc biệt, như: môi trường làm việc, điều kiện trau dồi kiến thức, giao trọng trách, thu nhập thỏa đáng, cơ hội thăng tiến vượt bậc.





Chính sách tiền lương, thưởng, trợ cấp, phúc lợi

- Hệ thống lương thưởng của Công ty được xây dựng phù hợp theo từng thời kỳ và từng giai đoạn phát triển, đảm bảo tính linh hoạt, công bằng và luôn tạo điều kiện cho người lao động có chuyên môn cao được hưởng lương tương xứng với cống hiến của họ. Đồng thời tạo động lực thu hút người tài đáp ứng nguồn nhân lực bền vững của Công ty;
- Để khuyến khích và cải thiện nâng cao thu nhập cho người lao động, Công ty đã xây dựng hệ thống thang bảng lương và ban hành quy chế trả lương, trả thưởng cho doanh nghiệp, được Sở Lao động Thương binh Xã hội tỉnh Bình Định công nhận. Đảm bảo nguyên tắc phân phối theo lao động, khắc phục tình trạng phân phối bình quân, đánh giá đúng mức độ đóng góp của từng vị trí công tác trong Công ty, gắn liền tiền lương với năng suất, chất lượng và hiệu quả của từng người, khuyến khích người lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, khuyến khích mọi người nâng cao hiệu suất công tác. Từ đó khuyến khích CBCNV làm việc hăng say góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Bidiphar luôn thực hiện tốt yêu cầu của Bộ Luật lao động. Xây dựng Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể được Sở Lao động Thương binh và Xã hội công nhận. Thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động như mua bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn con người.

Chính sách đào tạo

Bidiphar luôn coi việc phát triển nguồn nhân lực có chất lượng là điều kiện tiên quyết để Công ty có thể tồn tại và phát triển trong nền kinh tế thị trường. Với mục tiêu nâng cao chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ của nguồn nhân lực, Bidiphar đã xây dựng quy trình đào tạo khoa học, hệ thống nhằm mang lại hiệu quả cao. Tại Bidiphar, mọi CBCNV đều được đào tạo nâng cao kiến thức để đảm bảo hoàn thành tốt nhất công việc được giao.

- Đội ngũ công nhân thường xuyên được huấn luyện về kỹ năng thực hiện GMP và ISO để nhận thức và hiểu rõ từng khâu trong quá trình sản xuất;
- Đội ngũ nhân viên bán hàng và nhân viên tiếp thị luôn được trau dồi về khả năng giao tiếp, marketing và kỹ năng bán hàng;
- Đội ngũ cán bộ kỹ thuật được đào tạo chuyên sâu, nâng cao như: Đào tạo chuyên khoa, Thạc sĩ, Tiến sĩ trong và ngoài nước.

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
- TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ.
- KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI



ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



Năm 2018, tình hình kinh tế Việt Nam có nhiều biến chuyển tích cực, tốc độ tăng trưởng đạt 7,08%; lạm phát, tỷ giá và lãi suất được kiểm soát tương đối ổn định, tạo ra nhiều cơ hội tiếp cận nguồn vốn cho các doanh nghiệp chủ động mở rộng phát triển sản xuất, trong đó có Bidiphar. Tuy nhiên, đi kèm với những lợi ích đến từ tăng trưởng kinh tế và chính sách quản lý vĩ mô thì vẫn còn khá nhiều khó khăn thách thức mà các doanh nghiệp thuộc ngành Dược phẩm nói chung và DBD nói riêng phải đối mặt. Thứ nhất là sự cạnh tranh khốc liệt giữa các doanh nghiệp nội địa và các doanh nghiệp nước ngoài có nhiều tiềm lực về công nghệ - tài chính; thứ hai là chính sách vĩ mô về ngành, đặc biệt là quản lý việc đấu thầu tại các bệnh viện, còn thay đổi; thứ ba là việc đầu tư lớn cho dự án đổi mới công nghệ dẫn đến chi phí giá thành trong những năm đầu tăng cao.

Tuy nhiên, trong năm qua, Ban Điều hành đã nỗ lực làm việc, quyết tâm và đã có những quyết định quản lý linh hoạt, kịp thời để phát triển sản xuất kinh doanh, giữ vững thị phần, đảm bảo ổn định kinh doanh trong điều kiện khó khăn; gia tăng lợi ích cho cán bộ công nhân viên, cổ đông và các bên liên quan.

Trong năm qua, với những biện pháp quản lý chi phí chặt chẽ và hiệu quả, sự nỗ lực của tập thể người lao động trong công ty, năm 2018 Bidiphar đã đạt được kết quả kinh doanh khả quan. Hoạt động sản xuất đáp ứng tốt nhu cầu cung ứng hàng hóa cho khách hàng. Tổng sản lượng năm 2018 đạt 563 triệu sản phẩm, vượt 126% kế hoạch và tăng 101% so với năm 2017.

Cụ thể, một số chỉ tiêu so sánh hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	1.225.068	1.384.902	1.388.227	1.401.024
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	273.856	175.881	203.596	201.026
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	214.766	141.492	164.391	163.005
4	EPS	Đồng	4.500	2.789	2.825	2.801

Tình hình sản xuất kinh doanh của Bidiphar tương đối ổn định qua các năm, trong đó, chỉ tiêu doanh thu thuần tăng nhẹ mỗi năm. Cụ thể, trong năm 2018, doanh thu thuần của DBD đạt 1.401.024 triệu đồng, tăng nhẹ 0,92% so với cùng kỳ năm 2017.

Trong năm qua, Bidiphar tiếp tục triển khai các giải pháp nhằm đảm bảo chi phí sản xuất như: thương thảo mua hàng số lượng lớn theo kế hoạch năm và tiến hành lấy hàng từng đợt để vừa được giá tốt; ổn định nguồn nguyên liệu vừa hạn chế tồn kho; Tiến hành đánh giá, lựa chọn lại nhà cung cấp đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng phục vụ đăng ký thuốc với giá cả hợp lý; Phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận lựa chọn nhà cung cấp ngay từ khi nghiên cứu; đăng ký thuốc để đảm bảo sản xuất đúng đăng ký và thực hiện kiểm soát thay đổi trong quá trình sản xuất. Các biện pháp trên đã góp phần làm giảm được 10,3 tỷ đồng chi phí mua nguyên liệu, tuy nhiên với tình hình nguyên vật liệu vẫn tiếp tục tăng giá mạnh làm cho chi phí mua nguyên vật liệu tăng 13,5 tỷ đồng so với bình quân năm 2017, giá vốn sản xuất năm 2018 bình quân tăng 2% so với năm 2017, vì vậy, lợi nhuận sau thuế giảm nhẹ 0,84% so với năm 2017, đạt 163.005 triệu đồng.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2017	31/12/2018	%tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	1.115.418	1.021.237	(8.44)
Tài sản dài hạn	Triệu đồng	428.772	413.103	(3.65)
Tổng tài sản	Triệu đồng	1.544.190	1.434.341	(7.11)



Tài sản ngắn hạn

Tài sản dài hạn

Nhìn chung, tình hình tài sản của Bidiphar giữ xu hướng ổn định qua các năm. Giá trị của tổng tài sản của công ty tại thời điểm cuối năm 2018 đạt 1.434 tỷ đồng, giảm nhẹ 7,11% so với năm 2017, trong đó giá trị tài sản ngắn hạn là 1.021 tỷ đồng, giảm 8,44% và tài sản dài hạn giảm 3,65%, đạt 413,10 tỷ đồng.

Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2017	31/12/2018	% tăng/giảm
Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	655.811	497.320	(24.17)
Nợ dài hạn	Triệu đồng	55.369	46.367	(16.26)
Tổng nợ phải trả	Triệu đồng	711.180	543.687	(23.55)



Nợ ngắn hạn

Nợ dài hạn

Chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu nợ vay của Bidiphar là nợ ngắn hạn. Cụ thể, trong năm 2017 và năm 2018, nợ ngắn hạn lần lượt chiếm 92,21% và 91,47% trong cơ cấu nợ của công ty. Mặc dù tổng giá trị của nợ giảm từ 711.180 triệu đồng vào cuối năm 2017 xuống còn 543.687 triệu đồng vào cuối năm 2018 nhưng tỷ trọng của nợ ngắn hạn và dài hạn có xu hướng giữ sự ổn định, điều này cho thấy công tác quản lý nguồn nợ vay của DBD luôn bám sát cơ cấu nợ mục tiêu nhằm đảm bảo khả năng thanh toán và an toàn tài chính cho công ty.

NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ TRONG NĂM 2018

Mặc dù kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 tương đối khả quan, tuy nhiên trong bối cảnh môi trường kinh doanh ngày càng khó khăn khách quan như những thay đổi trong chính sách quản lý ngành và đối thủ cạnh tranh trong và ngoài nước, Bidiphar vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế chủ quan cần có định hướng khắc phục.

Cụ thể, hiệu quả tiếp thị sản phẩm chưa cao do đội ngũ bán hàng còn thiếu kiến thức về sản phẩm, Công ty, quản trị cũng như các kỹ năng vi tính nên việc báo cáo và cập nhật các tin tức thị trường chất lượng chưa cao; Các hoạt động truyền thông và khảo sát thị trường chưa đạt được hiệu quả dẫn đến các dự báo thị trường chưa sát thực tế dẫn đến khả năng đáp ứng nhu cầu thị trường chưa được chủ động; Việc mua nguyên liệu phục vụ nghiên cứu còn gặp nhiều khó khăn, chưa đáp ứng được tiến độ nghiên cứu sản phẩm mới. Đồng thời, Tình trạng chờ kiểm nghiệm ở tất cả các giai đoạn mặc dù đã có cải thiện nhưng vẫn diễn ra làm ảnh hưởng tiến độ giao hàng. Hoạt động kiểm soát thay đổi và thẩm định, theo dõi độ ổn định... tốn khá nhiều nguồn lực của các bộ phận nên hoạt động nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới nhìn chung chưa đáp ứng được nhu cầu của Công ty.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2019

Nhận định tình hình năm 2019

Năm 2019 tiếp tục là một năm đầy thách thức đối với ngành Dược với những khó khăn lớn như sau:

- Các chính sách nhà nước nhất là chính sách đấu thầu thuốc vào bệnh viện thiếu ổn định và thường xuyên thay đổi. Hiện dự thảo thông tư thay thế thông tư đấu thầu đã qua nhiều lần lấy ý kiến nhưng vẫn chưa được ban hành. Thông tư về đăng ký thuốc cũng vẫn trong giai đoạn chỉnh sửa trước khi ban hành...;
- Quy định GMP về kiểm soát thay đổi và quy định về Đăng ký thuốc quy định bất kỳ sự thay đổi nào như thay đổi nhà sản xuất nguyên vật liệu, thay đổi thiết bị, quy trình... đều phải khai báo và được phép của cơ quan quản lý đặt ra khối lượng công việc rất lớn khối kỹ thuật phải thực hiện, rất nhiều hồ sơ phải gửi xin phép;
- Năm 2019, giá nguyên vật liệu (NVL) vẫn tiếp tục đà tăng giá, trong khi đó giá trúng thầu là rất thấp và cố định, hiệu lực thầu kéo dài, nên rủi ro cho doanh nghiệp khi trúng thầu rất cao;
- Bảo hiểm y tế (BHYT) đang tiến tới 100% người dân, người bệnh khi đau ốm đều được cấp phát thuốc BHYT, do vậy việc phát triển thị trường tự do cho dòng thuốc điều trị sẽ ngày càng khó khăn;
- Bidiphar mặc dù là một trong 10 doanh nghiệp được uy tín và lớn nhất nước nhưng vẫn trong tình trạng tiềm lực tài chính còn rất nhỏ so với các tập đoàn, Công ty nước ngoài. Số lượng mặt hàng còn dàn trải, sản lượng từng mặt hàng không cao, tỷ suất lợi nhuận nhìn chung thấp. Nhiều dây chuyền sản xuất chưa tận dụng được hết công suất dẫn đến chi phí sản xuất lớn, khó cạnh tranh.. Các sản phẩm của Bidiphar chịu sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp cả trong nước và nước ngoài.
- Các yêu cầu quản lý chất lượng ngày càng cao. Theo quy định, doanh nghiệp phải tự cập nhật các quy định GPs, các tiêu chuẩn được điển phiên bản mới nhất. Hầu hết các phiên bản, tiêu chuẩn cập nhật đều đòi hỏi phải tăng tần số và quy mô thẩm định; tăng kiểm soát trong suốt quá trình tạo sản phẩm (hướng tới kiểm soát online 100% sản phẩm), tăng kiểm soát tạp chất liên quan, bổ sung thêm nhiều chỉ tiêu chất lượng... do vậy chi phí cho hoạt động kiểm tra, kiểm soát chất lượng cũng ngày càng lớn;
- Việc triển khai nối mạng tất cả các cơ sở bán lẻ, bán buôn thuốc là chủ trương đúng, nhưng cũng đòi hỏi hoạt động cung ứng thuốc phải có các bước thay đổi để phù hợp nhu cầu thị trường và yêu cầu từ cơ quan quản lý;



Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.460	1.500
Giá trị kim ngạch xuất khẩu	Nghìn USD	925,04	1.000
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	203,60	200
Cổ tức	%/Vốn điều lệ	15	15
Thu nhập trung bình	Triệu đồng/người/tháng	8,5	8,5

Các nhiệm vụ, giải pháp cần thực hiện

Công tác nhân sự

- Đạt mục tiêu 100% nhân viên bán hàng được đào tạo về sản phẩm và kỹ năng bán hàng;
- Phối hợp các bộ phận chuẩn hóa bộ tài liệu đào tạo cho Công ty cho Khối thị trường;
- Triển khai quy hoạch, luân chuyển, đào tạo cho nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý kế cận;
- Tiếp tục triển khai cập nhật các quy định mới về GMP, về chuyên môn vào cáo SOP cụ thể và tổ chức đào tạo cho các đối tượng phù hợp. Thực hiện nguyên tắc nhân viên phải hiểu, phải cập nhật đầy đủ các quy định có liên quan và chịu trách nhiệm về công việc được phân công. Trưởng bộ phận chịu trách nhiệm chính trong việc đào tạo, kiểm tra hỗ trợ nhân viên;
- Tiếp tục phối hợp tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động chăm lo đời sống tinh thần cho người lao động.



Các nhiệm vụ, giải pháp cần thực hiện

Công tác kế hoạch – sản xuất

- Tiếp tục triển khai 5S tại tất cả các phân xưởng sản xuất;
- Tăng cường quản lý chặt chẽ chi phí sản xuất, tiếp tục phát động phong trào sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm chi phí trong quá trình sản xuất;
- Khai thác tốt nhất năng lực sản xuất, đáp ứng 100% đơn hàng theo kế hoạch;
- Thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn lao động, phòng chống cháy nổ...;
- Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động bảo dưỡng bảo trì trang thiết bị và nhà xưởng.

Hoạt động mua hàng phục vụ sản xuất



- Tiếp tục nghiên cứu, thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác mua hàng nhằm hạn chế thấp nhất các tác động từ thị trường cung ứng đến giá nguyên vật liệu đầu vào ảnh hưởng đến chi phí sản xuất; Có các giải pháp phù hợp để kiểm soát việc giao hàng từ nhà cung ứng, tiến độ nộp hồ sơ xin quota... nhằm giảm tình trạng thiếu NVL do nhà cung cấp giao hàng chậm, chờ quota...Đảm bảo tất cả các NVL mua cho nghiên cứu, sản xuất đều có đầy đủ hồ sơ chất lượng đáp ứng yêu cầu đăng ký thuốc, giá cả hợp lý và cung ứng ổn định. Kiểm soát tốt tồn kho, phần đầu tồn kho nguyên vật liệu hàng tháng không quá 03 lần xuất kho bình quân mỗi tháng; giá trị tồn kho trên 03 tháng chiếm không quá 40% giá trị tồn kho;
- Đáp ứng 100%: nguyên vật liệu kịp thời cho các đơn hàng chính thức, hồ sơ NVL cho đăng ký sản phẩm mới;
- Đảm bảo 100%: NVL được nhập xuất đúng quy định, được bảo quản theo yêu cầu của GSP và không để hư hỏng mất mát xảy ra.

Hoạt động nghiên cứu, phát triển sản phẩm

- Thực hiện kịp thời và có chất lượng các thông báo thẩm định. Phần đầu được cấp số đăng ký mới cho hơn 20 sản phẩm, cấp số đăng ký lại cho 07 sản phẩm; gia hạn 5 năm số đăng kí cho 104 sản phẩm; làm thủ tục đăng ký thay đổi kịp thời cho nhu cầu sản xuất;
- Cải tiến nâng cao chất lượng 33 sản phẩm cũ;
- Xây dựng kế hoạch và đề cương thẩm định quy trình sản xuất cho 100% sản phẩm theo kế hoạch, thẩm định mô phỏng cho 07 dây chuyền sản xuất theo đúng quy định;
- Chú trọng nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, phần đầu có ít nhất 05 sản phẩm đạt tương đương sinh học năm 2019, triển khai tốt các đề tài dự án đã đăng ký như dự án Thuốc điều trị ung thư, dự án Sản xuất thử nghiệm thuốc tác dụng kéo dài...

Hoạt động kiểm tra, quản lý chất lượng

- Lập kế hoạch rà soát và chuẩn bị đánh giá GMP và GMP thực phẩm chức năng cho các nội dung: điều kiện nhà xưởng – kho, hồ sơ, tài liệu, vướng mắc phát sinh;
- Đảm bảo 100% nguyên vật liệu đầu vào, bán thành phẩm, thành phẩm được kiểm tra đạt theo tiêu chuẩn đăng ký, hồ sơ chất lượng;
- Rà soát và đánh giá rủi ro cho 100% quá trình liên quan GMP;
- 100% hoàn thành khắc phục các điểm góp ý trong các đợt đánh giá GMP 2017, ISO và đánh giá nội bộ;
- Giảm tỷ lệ nguyên nhân sai lỗi do con người phát hiện trong đánh giá nội bộ xuống $\leq 20\%$;
- Kiểm soát thời gian các bộ phận gửi nguyên nhân - khắc phục sau đánh giá nội bộ xuống ≤ 2 ngày;
- Đảm bảo 100% tài liệu được soát xét theo đúng kế hoạch ban hành;
- Kiểm soát số lượng thay đổi phát sinh ngoài kế hoạch xuống $\leq 25\%$ tổng kiểm soát thay đổi phát sinh, ≤ 1 Kiểm soát thay đổi/sản phẩm/năm;
- Hoàn thành đánh giá nội bộ tại mỗi bộ phận ít nhất 2 lần/năm (riêng phân xưởng 3 lần/năm);
- 100% đề cương thẩm định ban hành và thực hiện đúng kế hoạch;
- Thực hiện đề cương thẩm định theo yêu cầu GMP đáp ứng 100% kế hoạch;
- Xây dựng và thẩm định tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm đáp ứng 100% kế hoạch đăng ký thuốc;
- Đảm bảo quản lý, Hiệu chuẩn 100% thiết bị đo toàn Công ty theo đúng quy định GMP, GLP;
- Hoàn thành đánh giá chuyển đổi sang phiên bản ISO/IEC 17025:2017 và mở rộng danh mục phép thử;
- Tham gia nghiên cứu thử nghiệm tương đương độ hòa tan invitro các sản phẩm nhượng quyền của tập đoàn Kyorin Nhật Bản và các sản phẩm của Bidiphar;
- Triển khai nghiên cứu tương đương in vivo quy mô pilot tại Bidiphar cho ít nhất 2 sản phẩm.

Hệ thống phân phối

- Tiếp tục hoàn thiện và khai thác tốt hơn các ứng dụng của phần mềm quản trị kênh phân phối DMS góp phần thúc đẩy tăng năng suất bán hàng của Công ty và là công cụ đắc lực trong công tác quản trị, điều hành của Ban Lãnh đạo;
- Thành lập Công ty con 100% vốn Bidiphar chuyên thực hiện chức năng phân phối sản phẩm;
- Tìm kiếm thị trường xuất khẩu chuẩn bị đầu ra cho các nhà máy mới khi đi vào hoạt động;
- Tiếp tục phát triển hoạt động kinh doanh trang thiết bị và vật tư y tế, phấn đấu năm 2019 đạt doanh thu 210 tỷ đồng;
- Nâng cao năng lực dự báo thị trường và lập kế hoạch tiêu thụ từng quý/ tháng cho nhân viên bán hàng, các chi nhánh.



Hoạt động marketing

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động quảng cáo, truyền thông sự kiện hỗ trợ cho công tác phát triển thương hiệu và xúc tiến bán hàng, phấn đấu đạt doanh thu để ra 758 tỷ;
- Xúc tiến phát triển Câu lạc bộ khách hàng OTC tăng trưởng 30% so 2018, doanh số OTC đạt 415 tỷ;
- Tiếp tục lộ trình triển khai các thiết kế nhận diện dòng sản phẩm, thiết kế nhận diện thương hiệu Công ty;
- Tăng cường các hoạt động bảo hộ nhãn hiệu, thương hiệu; Cập nhật mã số mã vạch của từng sản phẩm, thực hiện các biện pháp, dấu hiệu nhận biết riêng biệt để chống hàng giả, hàng nhái trên thị trường;
- Triển khai đồng bộ các hoạt động quảng bá sản phẩm chiến lược Hebamic (tên cũ là Thừa canh Bidiphar) trên toàn quốc;
- Phát triển kênh truyền thông trực tuyến thực hiện cho dòng sản phẩm thực phẩm chức năng;
- Tiếp tục ứng dụng phần mềm DMS nâng cao hiệu quả quản trị kênh phân phối.



Hoạt động công nghệ thông tin

- Duy trì, phát triển hạ tầng công nghệ thông tin tại Công ty và Chi nhánh đảm bảo vận hành tốt hệ thống phần mềm SAP ERP và DMS;
- Kiểm soát hệ thống, hướng dẫn người dùng thực hiện đúng quy trình nghiệp vụ trên hệ thống; Kiểm soát lỗi, hỗ trợ và xử lý kịp thời các yêu cầu từ các đơn vị trong quá trình vận hành sử dụng phần mềm SAP ERP, DMS;
- Triển khai mạng riêng ảo (vpn) nhằm tăng cường tính bảo mật cho hệ thống mạng Bidiphar.
- Triển khai phần mềm quản lý công việc văn phòng, áp dụng trước cho khối kỹ thuật, tổ chức hành chính.

Hoạt động đầu tư

Trong năm 2019 tiếp tục

- Hoàn thành lắp đặt dây chuyền thiết bị, thực hiện thẩm định đánh giá Nhà máy sản xuất thuốc trị ung thư tại Khu kinh tế Nhơn Hội, đưa vào hoạt động vào cuối quý IV/2019. Năm 2020 thực hiện đánh giá Nhà máy theo tiêu chuẩn GMP-PICs.
- Bổ sung nâng cấp trang thiết bị, nhà xưởng các dây chuyền sản xuất hiện tại đáp ứng các quy định hiện hành về GMP và nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

Hoạt động tài chính, kế toán và kiểm soát nội bộ

- Đảm bảo số liệu, chứng từ kế toán phát sinh theo đúng quy định của pháp luật; quản lý nguồn vốn hiệu quả, đáp ứng đầy đủ và kịp thời nhu cầu sản xuất kinh doanh và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước;
- Hoàn thiện và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả, đảm bảo các đơn vị trực thuộc thực hiện đúng, đầy đủ các quy định pháp luật, quy định và quy chế Công ty đã ban hành.
- Thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao tính tuân thủ nội quy, quy chế trong hệ thống phân phối; hỗ trợ các Chi nhánh nâng cao năng lực quản trị tài chính.



BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
- ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
- CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VÀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Thuận lợi

Là doanh nghiệp sản xuất có hệ thống phân phối rộng khắp cả nước nên tạo được thế chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng bộ hóa công tác quản lý từ khâu sản xuất đến phân phối.

Việc tiên phong ứng dụng công nghệ, khoa học kỹ thuật giúp Bidiphar tạo được một số dòng sản phẩm mang lại lợi thế cạnh tranh với các đối thủ cùng ngành; là cơ sở để phát triển, nâng cao chất lượng sản phẩm.

Triển khai ứng dụng thành công hệ thống SAP-ERP, DMS mang lại nhiều ý nghĩa quan trọng đối với Công ty, mở ra một phương pháp quản trị hệ thống một cách khoa học và phù hợp thông lệ quốc tế, mang lại hiệu quả cao trong việc cung cấp thông tin quản lý với chi phí được tiết kiệm tối ưu nhất.

Nằm trong Top 10 doanh nghiệp uy tín trong lĩnh vực kinh doanh dược phẩm được bình chọn trong nhiều năm, là minh chứng cho sự tin tưởng của khách hàng đối với thương hiệu Bidiphar.

Đối với các hoạt động trong tình công ty cũng được sự quan tâm của Lãnh đạo Tỉnh cùng các Sở ngành đã tạo điều kiện hỗ trợ thường xuyên, kịp thời cho các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Khó khăn

Thị trường dược phẩm trong nước đang thể hiện tính cạnh tranh khốc liệt và ngày càng khó khăn hơn, các yếu tố giá thành sản phẩm (giá mua nguyên liệu nhập khẩu), chi phí đầu tư nhà máy, chi phí vận chuyển đến các trung tâm lớn... sẽ làm giảm tính cạnh tranh sản phẩm trên thị trường.

Các chính sách nhà nước nhất là chính sách đầu thầu thuốc vào cơ sở điều trị vẫn chưa hoàn thiện và thường xuyên thay đổi. Hiện thông tư dự thảo thay thế thông tư đầu thầu đã qua nhiều lần lấy ý kiến nhưng vẫn chưa được ban hành. Thông tư về đăng ký thuốc cũng vẫn trong giai đoạn chỉnh sửa trước khi ban hành...

Quy định GMP về đăng ký thuốc và kiểm soát thay đổi cũng được quy định chặt chẽ hơn đối với bất kỳ sự thay đổi nào về nhà sản xuất nguyên vật liệu, thiết bị, quy trình... việc này tạo ra khối lượng công việc rất lớn và tốn nhiều thời gian. Theo yêu cầu về quản lý chất lượng, doanh nghiệp phải tự cập nhật các quy định GPs, các tiêu chuẩn được điển phiên bản mới nhất. Hầu hết các phiên bản, tiêu chuẩn cập nhật đều đòi hỏi phải tăng tần số và quy mô thẩm định; tăng kiểm soát trong suốt quá trình tạo sản phẩm (hướng tới kiểm soát online 100% sản phẩm), tăng kiểm soát tạp chất liên quan, bổ sung thêm nhiều chỉ tiêu chất lượng... do vậy chi phí cho hoạt động kiểm tra, kiểm soát chất lượng cũng ngày càng lớn. Việc triển khai chủ trương nối mạng tất cả các cơ sở bán lẻ, bán buôn thuốc, đòi hỏi hoạt động cung ứng thuốc phải có các bước thay đổi về phương thức để phù hợp nhu cầu thị trường và yêu cầu từ cơ quan quản lý.



Kết quả thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2018

Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018: Doanh thu đạt 92%; Lợi nhuận đạt 96% so với kế hoạch đề ra. Tạm ứng cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ là 15% vốn điều lệ.

Đã thực hiện ký hợp đồng với Công ty TNHH Deloitte Việt Nam để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018.

Thực hiện niêm yết cổ phiếu Bidiphar (DBD) chính thức trên sàn giao dịch chứng khoán HOSE Ngày 15/06/2018. Điều này khẳng định Công ty cam kết đáp ứng các tiêu chuẩn theo qui định về thị trường tài chính, thông tin chính xác, tăng cường hệ thống quản trị công ty và sự minh bạch trong hoạt động nhằm đem lại những giá trị tốt nhất cho các cổ đông. Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất dược phẩm bidiphar công nghệ cao giai đoạn 1: Xây dựng mới nhà máy công nghệ cao sản xuất thuốc điều trị ung thư (bao gồm dây chuyền sản xuất thuốc điều trị ung thư dạng thuốc tiêm và tiêm đông khô). Hiện tại, đang trong quá trình hoàn thiện và lắp đặt thiết bị. Dự kiến nhà máy sẽ đi vào hoạt động vào quý IV/2019 với công suất năm đầu tiên khoảng 500.000 lọ/năm (tương ứng doanh thu 100 tỷ/năm) và tăng lên 1,8 triệu lọ cho năm thứ 5 đạt 100% công suất thiết kế (tương ứng doanh thu 300 tỷ/năm).

Về chủ trương nâng tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài lên 49%, HĐQT đã lựa chọn các phương án để thực hiện. Trong tháng 11/2018 HĐQT công ty đã thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản các nội dung liên quan nâng tỷ lệ sở hữu nước ngoài và đã được cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ: 68,59% về việc:

- Điều chỉnh ngành nghề kinh doanh để nâng giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Bidiphar lên 49% theo các qui định liên quan.
- Thành lập công ty con (100% vốn Bidiphar) nhằm chuyên nghiệp hóa phân phối hàng hóa cho Bidiphar. Đã thành lập Công ty TNHH MTV Thương Mại Bidiphar ngày 22/02/2019 và chính thức hoạt động vào ngày 01/04/2019.
- Trong thời gian tới, HĐQT tiếp tục thực hiện các công việc: hoàn tất hồ sơ nâng tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty lên 49% và gửi UBCKNN vào cuối quý II/2019.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hoạt động sản xuất kinh doanh

“Trong năm 2018, HĐQT đã tập trung thực hiện đầy đủ các nội dung Nghị quyết ĐHCĐ năm 2018 đã biểu quyết thông qua, trong đó ưu tiên cao nhất việc triển khai thực hiện các định hướng chiến lược năm 2018 và giai đoạn 2016-2020, đồng thời cùng Ban Điều hành công ty thực hiện đánh giá và góp ý các hoạt động trong công tác điều hành về các mặt: đầu tư, tài chính, thị trường, bán hàng, nguồn nhân lực, sản xuất, chất lượng đồng bộ các giải pháp nhằm thực hiện thắng lợi kế hoạch sản xuất kinh doanh của Bidiphar.”

Hệ thống phân phối

- Tiếp tục được kiện toàn. Năm 2018 Công ty tập trung hoàn thiện cơ sở vật chất cho các Chi nhánh cụ thể: đưa vào sử dụng văn phòng làm việc Chi nhánh Quảng Trị, hoàn thiện hồ sơ thiết kế văn phòng Chi nhánh tại Nghệ An và Đà Nẵng, thống nhất phương án thiết kế kiến trúc văn phòng Chi nhánh tại Hải Phòng;
- Công tác phát triển Câu lạc bộ khách hàng Bidiphar cũng đạt được kết quả cao, số lượng khách hàng đạt danh hiệu năm 2018 đạt 1.499 khách hàng, tăng trưởng 14% so với năm 2017;
- Năm 2018 Công ty tiến hành triển khai, đào tạo và đưa vào đưa vào vận hành phần mềm quản lý hệ thống phân phối bán hàng DMS tại tất cả các Chi nhánh Bidiphar trực thuộc từ đầu quý 3. Đến nay phần mềm DMS đã góp phần hỗ trợ đắc lực cho các Chi nhánh trong công tác giám sát bán hàng và đánh giá hiệu quả làm việc thực tế của đội ngũ nhân viên bán hàng, đồng thời nâng cao tính chuyên nghiệp của đội ngũ nhân viên bán hàng Bidiphar trong mắt khách hàng

Hoạt động sản xuất

- Đáp ứng tốt nhu cầu cung ứng hàng hóa cho khách hàng. Tổng sản lượng sản xuất năm 2018 đạt 563 triệu sản phẩm, vượt kế hoạch 126% và tăng 101% so với năm 2017;
- Sự phối hợp giữa bộ phận kinh doanh và bộ phận sản xuất có nhiều tiến bộ trong năm 2018: Đặt hàng các sản phẩm của khách hàng ngoài theo Quý cùng lúc với đơn hàng quý của Công ty giúp giảm gần 2/3 đơn hàng bổ sung so với năm 2017, giảm số lượt/số lô nguyên vật liệu về kho. Tỷ lệ đáp ứng đơn hàng đạt 99,95% sản lượng đặt hàng;
- Hơn 50% dây chuyền sản xuất được khai thác tốt, tập trung vào các chuyên gói bột betalactam và non-betalactam, viên non-betalactam, thuốc nhỏ mắt, dịch thận, gói bột vi sinh, thuốc điều trị ung thư, viên betalactam. Các dây chuyền khai thác công suất chưa tốt (< 20%) bao gồm: các loại lọ dùng ngoài, ống uống, gói bột non-betalactam (PX Viên), dung môi, các loại lọ uống, viên thuốc đạn, kem-mỡ.



Hoạt động kinh doanh trang thiết bị y tế

Đạt 95% kế hoạch đề ra, lý do liên quan đến giá đấu thầu ngày càng giảm theo quy định của Nhà nước, mặc dù số lượng trúng thầu tăng so với năm 2017. Bên cạnh đó vẫn duy trì và giữ vững được thị phần tại các thị trường hiện có; làm nhà phân phối độc quyền một số thiết bị, vật tư y tế như mặt hàng Găng tay (Bidiphar Top Glove), huyết áp kế (ALPK)...

Hoạt động xúc tiến truyền thông, hỗ trợ thương mại

- Phát triển các dòng sản phẩm chủ lực: thuốc điều trị ung thư, thuốc tiêm... Tham gia trưng bày và giới thiệu sản phẩm thuốc điều trị ung thư tại Hội nghị thuốc điều trị ung thư được tổ chức tại Huế và TP.HCM, Cần Thơ, Hải Phòng... thu hút nhiều bác sĩ, đại biểu các đơn vị ghé thăm gian hàng.
- Hoạt động xúc tiến truyền thông, hỗ trợ thương mại tiếp tục tập trung quảng bá sản phẩm OTC của Bidiphar tại các HC HVNCLC thu hút hàng chục nghìn lượt người tiêu dùng đến tham gia.
- Tổ chức cho gần 1.000 lượt khách hàng Khối OTC tham gia hội nghị tri ân và du lịch cùng với gia đình Bidiphar tại nhiều địa điểm như: Nha Trang, Đà Lạt, Thanh Hóa...
- Thực hiện công tác chăm sóc khách hàng theo chính sách hợp đồng năm 2018: tặng quà và các vật dụng phục vụ cho công tác bán hàng tại nhà thuốc, thăm và tặng quà tri ân khách hàng Vàng – Bạc – Đồng nhân dịp lễ lớn: Tết, 30/4 – 1/5, 2/9...
- Thực hiện nhiều hoạt động tài trợ cho khách hàng OTC như tặng quà và các vật dụng phục vụ cho công tác bán hàng tại nhà thuốc, thăm và tặng quà tri ân cho hàng ngàn khách hàng nhân các dịp lễ, tết...; tài trợ cho các hội nghị khoa học tại các cơ sở y tế như BV Ung Bướu Tp. Hồ Chí Minh; BV Việt Tiệp; BV TW Huế; BVĐK Bình Định.



Hoạt động đầu tư, nghiên cứu

Hoạt động mua nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, nghiên cứu, kiểm nghiệm

- Tiếp tục triển khai các giải pháp nhằm đảm bảo chi phí sản xuất như: thương thảo mua hàng số lượng lớn theo kế hoạch năm và tiến hành lấy hàng từng đợt để vừa được giá tốt; ổn định nguồn nguyên liệu vừa hạn chế tồn kho;
- Tiến hành đánh giá, lựa chọn lại nhà cung cấp đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng phục vụ đăng ký thuốc với giá cả hợp lý; phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận lựa chọn nhà cung cấp ngay từ khi nghiên cứu, đăng ký thuốc để đảm bảo sản xuất đúng đăng ký và thực hiện kiểm soát thay đổi trong quá trình sản xuất.

Hoạt động cải tiến chất lượng sản phẩm; nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới và đăng ký thuốc

- Có nhiều tiến bộ. Từ đầu năm tất cả các hoạt động đều được lên kế hoạch rõ ràng, việc thực hiện bám sát theo kế hoạch mục tiêu để thực hiện;
- Trong năm hoàn thành nghiên cứu 10 sản phẩm mới (đã có 09 sản phẩm được cấp SDK và đưa vào sản xuất, trong đó có 07 sản phẩm thuốc điều trị ung thư), cải tiến 06 sản phẩm; gửi thử tương đương sinh học 4 sản phẩm (trong đó có 3 sản phẩm cải tiến và 1 sản phẩm mới), được Bộ Y tế cấp số đăng ký mới cho 20 sản phẩm; đăng ký lại 24 sản phẩm, gia hạn 47 sản phẩm, làm hồ sơ đăng ký thay đổi 151 sản phẩm;
- Hoạt động kiểm soát sản xuất đúng hồ sơ đăng ký thuốc và thẩm định quy trình sản xuất đúng quy định GMP được triển khai nghiêm túc.

Thực hiện dự án KHCN cấp Nhà nước

- Tiếp tục triển khai Dự án khoa học và công nghệ cấp Nhà nước “Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ để sản xuất một số thuốc dùng điều trị ung thư”. Hiện nay tất cả các sản phẩm của dự án đã được nộp hồ sơ đăng ký, 37 sản phẩm tương ứng 16 hoạt chất đã được Bộ Y tế cấp phép lưu hành, được cung ứng cho hầu hết các cơ sở điều trị ung thư trên toàn quốc, góp phần quan trọng đưa sản phẩm thuốc ung thư trở thành lợi thế của Công ty
- Tháng 6/2018, Công ty tiếp tục được Bộ KHCN phê duyệt dự án cấp nhà nước “Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất thuốc viên Indapamid 1,5mg và Felodipin 5mg giải phóng kéo dài” (6/2018 – 6/2020).

Hoạt động quản lý chất lượng

- Tiếp tục cập nhật hệ thống chất lượng phù hợp yêu cầu tiêu chuẩn ISO 9001:2015;
- Công tác đánh giá nội bộ được triển khai 02 đợt vào tháng 4 và tháng 8 cho tất cả các phòng ban, phân xưởng tại Công ty, tổ chức họp Xem xét lãnh đạo cho từng đợt và đưa ra các giải pháp khắc phục các điểm không phù hợp;
- Công tác kiểm soát (KSTĐ) thay đổi tuy phát sinh rất nhiều ngoài kế hoạch đầu năm (tỷ lệ phát sinh 81%) nhưng vẫn được vẫn được kiểm soát đầy đủ và nguồn lực thực hiện KSTĐ được hạn chế thấp nhất có thể (QA đã xem xét kết hợp tất cả KSTĐ để thẩm định – theo dõi ĐÔĐ – nộp Hồ sơ đăng ký thay đổi). Các thay đổi phát sinh ngoài kế hoạch trên tập trung chủ yếu ở việc thay đổi nhà sản xuất nguyên vật liệu đáp ứng được tiêu chí về chất lượng và giá cả của Công ty ở thời điểm hiện tại;
- Công tác thẩm định theo quy định GMP (thẩm định MTSX, thẩm định HVAC, thẩm định vệ sinh, thẩm định hệ thống nước, hệ thống khí...) được triển khai đúng tiến độ, trong năm đã ban hành và triển khai thực hiện được 83 đề cương, góp phần đảm bảo chất lượng sản phẩm trong quá trình sản xuất.

Hoạt động tài chính kế toán – kiểm soát nội bộ

- Được triển khai nghiêm túc. Thực hiện tốt các quy định của pháp luật về kế toán thống kê, tuân thủ các chuẩn mực về chế độ kế toán hiện hành; cung cấp kịp thời các số liệu, tài liệu cho công tác chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban giám đốc; sửa đổi và ban hành lại Quy chế hoạt động kinh doanh của các Chi nhánh trực thuộc theo hướng tăng cường tính chủ động của Giám đốc Chi nhánh trong việc điều hành hoạt động kinh doanh cũng như thiết lập cơ chế phối hợp hiệu quả nhất giữa Chi nhánh và các bộ phận phòng ban trong Công ty. Thực hiện các báo cáo tài chính, báo cáo kiểm toán định kỳ đúng tiến độ, công bố kịp thời trên thị trường chứng khoán;
- Hệ thống kiểm soát nội bộ ngày càng hoàn thiện và vận hành hiệu quả hơn, sai phạm của các đơn vị giảm đáng kể so với năm 2017.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



“ Năm 2018, tình hình kinh tế Việt Nam vẫn tiếp tục giữ được đà tăng trưởng từ năm 2017, lạm phát được kiểm soát tốt dưới 4%, tỷ giá và lãi suất nhìn chung ổn định trong cả năm tuy có sự gia tăng nhẹ vào thời điểm cuối năm. Đây chính là điều kiện tốt cho các doanh nghiệp nói chung và DBD nói riêng có nhiều cơ hội tiếp cận nguồn vốn, chủ động mở rộng phát triển sản xuất ”

Tuy năm 2018 vẫn tồn tại nhiều thách thức đối với DBD, nhất là trong công tác quản lý chi phí đầu vào và các chi phí khác như chi phí bán hàng, chi phí nhân công, ... , hoạt động kinh doanh vẫn đạt được những kết quả khả quan. Ban Lãnh đạo công ty đã thể hiện quyết tâm cao độ, nỗ lực làm việc và đưa ra những quyết định quản lý linh hoạt, kịp thời để phát triển sản xuất, giữ vững thị trường, từ đó gia tăng lợi ích cho các cổ đông đồng thời đảm bảo đời sống cho người lao động. Hội đồng quản trị Công ty đánh giá cao kết quả điều hành sản xuất kinh doanh năm 2018 của Ban Tổng Giám đốc.

Tổng doanh thu bán hàng năm 2018 đạt 1.474 tỷ đồng, hoàn thành 92% kế hoạch đề ra và vượt 1% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận trước thuế đạt 201,03 tỷ đồng, giảm 1% so với năm 2017, vượt 2% so với nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018; Trong năm 2018 tổng giá trị đã đầu tư là 48,5 tỷ đồng, bao gồm đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất thuốc tiêm đông khô điều trị ung thư, Trung tâm nghiên cứu và các phân xưởng Đông khô, phân xưởng thuốc Viên... Nhà máy sản xuất Bidiphar Công nghệ cao đã khởi công vào tháng 08/2018 và dự kiến hoàn thành dây chuyền sản xuất thuốc tiêm - tiêm đông khô vào tháng 08/2019; Nâng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Bidiphar lên 49% và thành lập công ty con trực thuộc 100% vốn Bidiphar thực hiện chức năng phân phối sản phẩm.

Nhìn chung, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện tương đối tốt vai trò và nhiệm vụ của mình, đề cao trách nhiệm cá nhân khi thực hiện nhiệm vụ của từng thành viên và đồng thời cũng thể hiện tính minh bạch, thống nhất trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chung của toàn công ty.

CÁC MỤC TIÊU, KẾ HOẠCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019

Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2019

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Tăng trưởng (%)
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	524,00	524,00	100
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.474,02	1.500,00	102
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	201,01	200,00	99
3.1	Lợi nhuận từ Sản phẩm xuất kinh doanh chính	Tỷ đồng	190,42	190	100
3.2	Lợi nhuận hợp nhất từ công ty liên kết	Tỷ đồng	10,58	10	95
4	Tỷ lệ chia cổ tức (%/Vốn điều lệ)	%	15	15	100

Năm 2019 tiếp tục thực hiện 07 đề tài/dự án lớn trong đó nổi bật là 02 dự án cấp Nhà nước “Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ để sản xuất một số thuốc dùng điều trị ung thư” (2014-2019) và dự án “Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất thuốc viên Indapamid 1,5mg và Felodipin 5mg giải phóng kéo dài” (2018-2020);

Dự án thuốc điều trị ung thư (2014-2019) đang đi vào giai đoạn cuối, hiện nay tất cả các sản phẩm của dự án đã được nộp hồ sơ đăng ký, trong đó 6/7 sản phẩm dung dịch tiêm, 2/3 sản phẩm thuốc tiêm đông khô điều trị ung thư của đề tài đã được cấp số đăng ký và đưa vào triển khai sản xuất. Dự kiến năm 2019, các sản phẩm còn lại sẽ được cấp số đăng ký và tiếp tục hoàn thiện các công việc còn lại để tiến hành nghiệm thu đề tài, dự án;

Về dự án thuốc phóng thích kéo dài điều trị bệnh cao huyết áp đang được thực hiện đúng tiến độ, dự kiến năm 2019 tiếp tục thực hiện hoàn thiện 17 báo cáo chuyên đề theo kế hoạch;

Tiến hành nhận dạng và triển khai kế hoạch gồm 09 hành động để quản lý các rủi ro từ bối cảnh tổ chức liên quan hoạt động của 3 bộ phận quan trọng của Công ty gồm phòng Kinh doanh, Marketing, Kế hoạch. Kết quả hoàn thành 03 hành động, các hành động khác đang thực hiện và dự kiến hoàn thành vào Quý I năm 2019.

Các giải pháp thực hiện

Để hoàn thành kế hoạch 2019, Công ty đã xây dựng và ban hành bộ “Mục tiêu chất lượng/ KPI” của từng phòng ban chức năng, các chi nhánh nhằm cụ thể hóa nhiệm vụ trọng tâm của từng bộ phận. Một số giải pháp chính như sau:

Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

- Chú trọng công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực.
- Chuẩn hóa bộ tài liệu đào tạo của Công ty cho khối thị trường; Trong năm 2019, 100% nhân viên bán hàng được đào tạo về sản phẩm và kỹ năng bán hàng;
- Tiếp tục triển khai cập nhật các quy định mới về GMP, về chuyên môn vào cáo SOP cụ thể và tổ chức đào tạo cho các đối tượng phù hợp. Thực hiện nguyên tắc nhân viên phải hiểu, phải cập nhật đầy đủ các quy định có liên quan và chịu trách nhiệm về công việc được phân công. Trưởng bộ phận chịu trách nhiệm chính trong việc đào tạo, kiểm tra, hỗ trợ nhân viên.

Giải pháp nâng cao công tác quản trị sản xuất

- Tăng cường quản lý chặt chẽ chi phí sản xuất, tiếp tục phát động phong trào sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm chi phí trong quá trình sản xuất.
- Nâng cao hiệu quả công tác mua hàng, đảm bảo đủ nguyên vật liệu phục vụ kịp thời cho sản xuất và nghiên cứu, đúng quy định và giá cả phù hợp. Quản lý tốt hàng tồn kho.
- Tổ chức, sắp xếp sản xuất theo quy trình khoa học và hiệu quả, nhằm khai thác tối đa năng lực của máy móc thiết bị, đáp ứng 100% đơn hàng theo kế hoạch.
- Thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường, đảm bảo ATLĐ, phòng chống cháy nổ...

Giải pháp nghiên cứu khoa học và phát triển sản phẩm mới

- Tiếp tục đầu tư nguồn lực cho hoạt động nghiên cứu phát triển. Phấn đấu hoàn thành ít nhất 20 sản phẩm mới. Tiếp tục cải tiến nâng cao chất lượng các sản phẩm hiện hành, phấn đấu có ít nhất 05 sản phẩm đạt tương đương sinh học năm 2019.
- Thực hiện kịp thời và có chất lượng hồ sơ đăng ký lại, gia hạn số đăng ký.
- Kiểm soát chặt chẽ quá trình sản xuất theo đúng hồ sơ đăng ký, làm thủ tục đăng ký thay đổi kịp thời đáp ứng nhu cầu sản xuất;
- Triển khai tốt các đề tài dự án đã đăng ký như dự án thuốc điều trị ung thư, dự án sản xuất thử nghiệm thuốc tác dụng kéo dài...

Giải pháp về ứng dụng công nghệ thông tin

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống SAP-ERP, DMS và triển khai ứng dụng hiệu quả tại các đơn vị trực thuộc.
- Đầu tư tăng cường hệ thống bảo mật thông tin dữ liệu.
- Triển khai các chính sách mới về hóa đơn điện tử, giải pháp bán hàng phù hợp qui định hiện hành.

Giải pháp tài chính và kiểm soát nội bộ

- Đảm bảo số liệu, chứng từ kế toán phát sinh theo đúng quy định của pháp luật; quản lý nguồn vốn hiệu quả, đáp ứng đầy đủ và kịp thời nhu cầu sản xuất kinh doanh và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước;
- Hoàn thiện và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả, đảm bảo các đơn vị trực thuộc thực hiện đúng, đầy đủ các quy định pháp luật, quy định và quy chế Công ty đã ban hành.
- Thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao tính tuân thủ nội quy, quy chế trong hệ thống phân phối; hỗ trợ các Chi nhánh nâng cao năng lực quản trị tài chính.



Giải pháp về phát triển hệ thống phân phối

- Tiếp tục hoàn thiện và khai thác tốt hơn các ứng dụng của phần mềm quản trị kênh phân phối DMS góp phần thúc đẩy tăng năng suất bán hàng của Công ty và là công cụ đắc lực trong công tác quản trị, điều hành của Ban lãnh đạo;
- Tìm kiếm thị trường xuất khẩu chuẩn bị đầu ra cho các nhà máy mới khi đi vào hoạt động.
- Tiếp tục phát triển hoạt động kinh doanh trang thiết bị và vật tư y tế;
- Nâng cao năng lực dự báo thị trường và lập kế hoạch tiêu thụ từng quý/ tháng cho nhân viên bán hàng, các chi nhánh;
- Đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất cho các chi nhánh Đà Nẵng, Thanh Hóa, Nghệ An và Hải Phòng.

Giải pháp về quản lý chất lượng

- Thực hiện cập nhật kịp thời hiệu quả các quy định mới của Bộ Y tế, GPs, ISO 9001, ISO 17025 vào các SOP cụ thể
- Lập kế hoạch rà soát và chuẩn bị tái đánh giá GMP về thuốc và đánh giá mới GMP thực phẩm chức năng.
- Đảm bảo 100% nguyên vật liệu đầu vào, bán thành phẩm, thành phẩm được kiểm tra đạt theo tiêu chuẩn đăng ký, hồ sơ chất lượng;
- Rà soát và đánh giá rủi ro cho 100% quá trình liên quan GMP;
- Thực hiện công tác thẩm định theo yêu cầu GMP
- Xây dựng và thẩm định tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm đáp ứng 100% kế hoạch đăng ký thuốc; cập nhật kịp thời các phiên bản được diễn đúng quy định của Bộ Y tế.
- Đảm bảo quản lý, hiệu chuẩn, kiểm định 100% thiết bị đo toàn Công ty theo đúng quy định GMP, GLP;
- Hoàn thành đánh giá chuyển đổi sang phiên bản ISO/IEC 17025:2017 và mở rộng danh mục phép thử đáp ứng nhu cầu của công ty.
- Triển khai nghiên cứu tương đương in vivo quy mô pilot các sản phẩm nhượng quyền của tập đoàn Kyorin Nhật Bản và cho ít nhất 2 sản phẩm của Bidiphar.

Giải pháp về các hoạt động Marketing

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động quảng cáo, truyền thông sự kiện hỗ trợ cho công tác phát triển thương hiệu và xúc tiến bán hàng;
- Xúc tiến phát triển Câu lạc bộ khách hàng OTC tăng trưởng 30% so 2018;
- Tiếp tục lộ trình triển khai các thiết kế nhận diện dòng sản phẩm, thiết kế nhận diện thương hiệu Công ty;
- Tăng cường các hoạt động bảo hộ nhãn hiệu, thương hiệu; Cập nhật mã số mã vạch của từng sản phẩm, thực hiện các biện pháp, dấu hiệu nhận biết riêng biệt để chống hàng giả, hàng nhái trên thị trường;
- Triển khai đồng bộ các hoạt động quảng bá sản phẩm chiến lược Hebamic (tên cũ là Thia canh Bidiphar) trên toàn quốc.

Galaxy

BIDN

Thanh Hóa, ngày 22 tháng



BÁO CÁO

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Thông điệp phát triển bền vững

Là doanh nghiệp hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất dược phẩm và trải qua gần 40 năm phát triển, chúng tôi luôn ý thức được quá trình hoạt động luôn được quan niệm và thực thi hài hòa giữa lợi ích của doanh nghiệp phải đi đôi với các hoạt động cộng đồng, xã hội và quan tâm xây dựng, bảo vệ môi trường nhằm mục tiêu hướng đến tương lai. Là ngành sản xuất sản phẩm liên quan đến sức khỏe con người nên chúng tôi càng ý thức hơn về tác động của quá trình đến sức khỏe cộng đồng, đến môi trường chung quanh và đặc biệt là việc đảm bảo sức khỏe cho thế hệ tương lai.

Chúng tôi xây dựng định hướng, tiêu chí phát triển bền vững trên hoạt động cụ thể của công ty, trong đó bao hàm các nội dung chính: tăng trưởng kinh tế bền vững, đảm bảo trách nhiệm xã hội và cam kết bảo vệ môi trường.

"Chăm sóc sức khỏe, chia sẻ niềm vui" là phương châm đã đi cùng Bidiphar trong nhiều giai đoạn và thể hiện cao nhất trách nhiệm đối với các bên liên quan, Bidiphar thực hiện sứ mệnh chăm sóc sức khỏe cộng đồng, xã hội, chia sẻ niềm vui với đối tác và có trách nhiệm với tương lai.

Phát triển bền vững là chiến lược quan trọng hàng đầu, là cam kết mà mọi tổ chức, doanh nghiệp đang nỗ lực hoàn thiện. Với kinh nghiệm thực tế hoạt động phát triển, Bidiphar luôn nhận thức rõ tầm quan trọng của việc đề ra các tiêu chí, các mục tiêu kế hoạch, giải pháp và cam kết thực hiện các định hướng chiến lược phát triển bền vững một cách triệt để, cụ thể trong từng hoạt động và phổ biến rộng rãi đến tất cả mọi người trong công ty.

Trong giai đoạn phát triển mới, hội nhập kinh tế sâu rộng, các chính sách phát triển bền vững ngày nay không những là mối quan tâm của các nhà quản lý mà nó cũng được đưa lên bàn nghị sự của các doanh nghiệp và được đưa vào định hướng phát triển chung trong hoạt động toàn doanh nghiệp. Phát triển bền vững bao quát nhiều vấn đề như quản trị doanh nghiệp và văn hóa kinh doanh, biến đổi khí hậu và giảm khí thải, quản lý an toàn và sức khỏe môi trường, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, quản lý chuỗi cung ứng có trách nhiệm và báo cáo thông tin phi tài chính.



“ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG:

Phát triển bền vững là nội dung trọng tâm trong chiến lược phát triển kinh doanh của DBD

DBD xác định rằng Công ty chỉ có thể phát triển bền vững khi kết hợp mục tiêu tăng trưởng kinh tế với thực hiện trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường nhằm bảo đảm, gia tăng và cân bằng lợi ích cho các bên liên quan: cổ đông và nhà đầu tư, khách hàng, đối tác kinh doanh, cơ quan quản lý Nhà nước, nhân viên và cộng đồng xã hội.

Tăng trưởng kinh tế bền vững

Giữ vững và ổn định sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển kinh doanh trong giai đoạn 2018 – 2022; Tăng trưởng doanh thu bền vững ở mảng kinh doanh truyền thống, thế mạnh; Quản trị doanh nghiệp minh bạch, sử dụng vốn hiệu quả, tiết kiệm chi phí và tối ưu lợi nhuận.

Đầu tư nghiên cứu phát triển, nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo ra những dòng sản phẩm mới có lợi thế cạnh tranh. Phát triển thị trường mới, tăng sự hiện diện trên tất cả các kênh hoạt động.

Luôn đem tới lợi ích, sự tin tưởng cũng như sự hài lòng của nhà đầu tư và cổ đông; Bằng sự cải thiện doanh thu, tối đa hóa lợi ích lâu dài của cổ đông; luôn thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật, đảm bảo lợi ích hai bên; Cổ đông được cung cấp thông tin công khai và minh bạch, đảm bảo nhu cầu của nhà đầu tư.

Trách nhiệm với xã hội

Xây dựng môi trường làm việc năng động, thoải mái giúp người lao động phát huy hết năng lực cá nhân, gắn bó và cống hiến cho công ty. Xây dựng chính sách thu hút, bồi dưỡng, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài, chính sách đào tạo, chăm lo tinh thần cho người lao động hiệu quả.

Trách nhiệm đối với cộng đồng và địa phương, chú trọng các hoạt động đầu tư phát triển cộng đồng và hỗ trợ tài chính phục vụ cộng đồng.

Cam kết bảo vệ môi trường

Sử dụng hợp lý và tiết kiệm các nguồn năng lượng, nước và nguyên vật liệu trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tuân thủ các quy định chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường.



Chính sách liên quan đến người lao động

Việc chăm lo, phát triển nguồn nhân lực tiếp tục được chú trọng. Tổng nhân sự Bidiphar tính đến ngày 31/12/2018 là 1.191 người. Trong đó, trên đại học: 41 người, đại học: 276 người; trung cấp: 290 người và trình độ khác: 584 người.

Thu nhập bình quân năm 2018 là 8,5 triệu đồng/người/tháng, đạt kế hoạch đề ra; đảm bảo ổn định việc làm cho 100% người lao động; thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động như bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, chế độ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động. Công đoàn phối hợp với chính quyền thường xuyên quan tâm, trợ cấp cho người lao động khi gia đình gặp khó khăn, ốm đau, hiếu hỷ... tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ thể dục thể thao du lịch, nghỉ mát,... nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho CBCNV.



Hoạt động quản lý chất lượng

- Công ty tiếp tục cập nhật hệ thống chất lượng phù hợp yêu cầu tiêu chuẩn ISO 9001:2015;
- Công tác đánh giá nội bộ được triển khai 02 đợt vào tháng 04 và tháng 08 cho tất cả các phòng ban, phân xưởng tại Công ty, tổ chức họp Xem xét lãnh đạo cho từng đợt và đưa ra các giải pháp khắc phục các điểm không phù hợp;
- Công tác kiểm soát thay đổi tuy phát sinh rất nhiều ngoài kế hoạch đầu năm (tỷ lệ phát sinh 81%) nhưng vẫn được kiểm soát đầy đủ và nguồn lực thực hiện KSTĐ được hạn chế thấp nhất có thể (QA đã xem xét kết hợp tất cả KSTĐ để thẩm định – theo dõi ĐỒĐ – nộp Hồ sơ đăng ký thay đổi). Các thay đổi phát sinh ngoài kế hoạch trên tập trung chủ yếu ở việc thay đổi nhà sản xuất nguyên vật liệu đáp ứng được tiêu chí về chất lượng và giá cả của Công ty ở thời điểm hiện tại;
- Công tác thẩm định theo quy định GMP (thẩm định MTSX, thẩm định HVAC, thẩm định vệ sinh, thẩm định hệ thống nước, hệ thống khí...) được triển khai đúng tiến độ, trong năm đã ban hành và triển khai thực hiện được 83 đề cương, góp phần đảm bảo chất lượng sản phẩm trong quá trình sản xuất;
- Năm 2019 đã tiến hành nhận dạng và triển khai kế hoạch gồm 09 hành động để quản lý các rủi ro từ bối cảnh tổ chức liên quan hoạt động của 3 bộ phận quan trọng của Công ty gồm phòng Kinh doanh, Marketing, Kế hoạch. Kết quả hoàn thành 03 hành động, các hành động khác đang thực hiện và dự kiến hoàn thành vào Quý I năm 2019;
- Công tác kiểm tra chất lượng được cải tiến theo hướng đáp ứng kịp thời tiến độ sản xuất, chú trọng lưu giữ dữ liệu thô, ghi chép hồ sơ kiểm nghiệm theo đúng quy định GLP và ISO 17025; hoạt động đào tạo, nâng cao kỹ năng tay nghề cho kiểm nghiệm viên tiếp tục được quan tâm, đảm bảo độ chính xác của các kết quả kiểm nghiệm. Trong năm đã tham gia thử nghiệm thành thạo cấp quốc gia về thuốc và thực phẩm chức năng, kết quả cho thấy tay nghề của đội ngũ kỹ thuật viên luôn nằm trong nhóm tốt nhất.

Hoạt động Đảng – Đoàn thể

- Đảng bộ Công ty đã lãnh đạo các đoàn thể và đơn vị tổ chức tốt việc triển khai thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng và pháp luật của nhà nước. Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở. Tiếp tục xây dựng khối đoàn kết nội bộ trong toàn Công ty. Trong năm không có đơn thư khiếu nại tố cáo, không có vi phạm pháp luật, không xảy ra tai nạn lao động.
- Năm 2018 Đảng bộ Công ty được xếp loại “Trong sạch vững mạnh”. Công đoàn được xếp loại “vững mạnh xuất sắc”. Đoàn thanh niên được xếp loại “vững mạnh xuất sắc”;
- Vào ngày 20/10/2018, nhân kỷ niệm 88 năm ngày thành lập Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (20/10/2930 – 20/10/2018), Bidiphar đã tổ chức Họp mặt các nữ CBCNV đại diện các phòng ban, đơn vị của Công ty. Buổi họp mặt đã diễn ra trong không khí vui tươi, ấm áp với nhiều chia sẻ bổ ích;
- Nhân kỷ niệm 128 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/05/1890 – 19/05/2018), sáng ngày 18/05/2018, tại sân bóng đá Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh đã diễn ra Lễ Khai mạc Hội thao bóng đá mini “TUỔI TRÉ TRUYỀN THỐNG – BIDIPHAR CUP” lần thứ XVIII – 2018. Sau 06 ngày tranh tài quyết liệt với tinh thần giao lưu, học hỏi nhưng không kém phần cạnh tranh đầy kịch tính, Hội thao đã kết thúc trong sự luyện tiếc của cả vận động viên lẫn cổ động viên.

Trách nhiệm với xã hội

Trong năm qua, Công ty đã có nhiều hoạt động xã hội với tổng kinh phí hơn gần 02 tỷ đồng, trong đó có các hoạt động tiêu biểu như:

- Nâng cao công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng thông qua hoạt động khám và cấp phát thuốc miễn phí cho bệnh nhân nghèo tại Vĩnh Thạnh, Hoài Ân, Văn Canh, An Lão Phú Yên,...; các chương trình hiến máu nhân đạo,...;
- Ủng hộ Hội bảo trợ người khuyết tật và bảo vệ quyền trẻ em tỉnh Bình Định, chương trình “Tết sum vầy” do Liên đoàn Lao động tỉnh tổ chức, ủng hộ quỹ “Mái ấm Công đoàn”, “Quỹ vì người nghèo”; triển khai thăm tặng quà cho gia đình chính sách, Mẹ Việt Nam anh hùng nhân ngày Thương binh liệt sĩ 27/7;
- Sáng ngày 22/07/2018, Đoàn cơ sở DBD đã phối hợp với Hội chữ thập đỏ Bình Định, Trung tâm huyết học và truyền máu (Bệnh viện đa khoa tỉnh) tổ chức chương trình “Bidiphar mỗi giọt máu một tấm lòng”. Kết thúc đợt hiến máu này, có 113 đơn vị máu/đợt và hơn 900 đơn vị/8 năm thực hiện chương trình được tiếp nhận và bổ sung vào ngân hàng máu cứu người tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định. Thông qua hoạt động này, Bidiphar khẳng định sẽ luôn là người bạn đồng hành cùng mọi người trong công cuộc chăm sóc sức khỏe – chia sẻ niềm vui;
- Tối ngày thứ 7 (ngày 22/09), với mong muốn đem đến cho các em những kỉ ức về một mùa trung thu ấm áp, Công đoàn và Đoàn Thanh niên Bidiphar đã tổ chức chương trình “Đêm hội trăng rằm 2018” với sự tham gia của gần 500 em bé là con em CBCNV công ty. Chương trình đã khép lại, nhưng ký ức về một mùa Trung thu ấm áp và ngọt lành sẽ mãi theo em trong suốt hành trình tuổi thơ.

Quản lý hợp lý và tiết kiệm nguồn nguyên liệu

Với phương châm luôn gắn liền hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh với chất lượng sản phẩm, Bidiphar luôn đặt ra các quy định rất cao trong việc kiểm soát quy trình từ khâu mua nguyên liệu đầu vào, khâu sản xuất đến khâu lưu thông, bảo quản hàng hóa đều được kiểm soát chặt chẽ 100%. Tại Bidiphar nguồn nguyên liệu chính nhập khẩu là hơn 60%.

Các công ty sản xuất dược phẩm đều bắt buộc sản xuất theo quy trình, công thức được phê chuẩn của Cục Quản lý dược Bộ Y tế, do đó tất cả các sản phẩm được sản xuất, đóng gói, bảo quản và lưu thông đều được minh bạch và ghi nhận lại thông tin lưu trữ tại đơn vị sản xuất, có thể truy xuất thông tin khi cần thiết.

Quá trình quản lý nguyên vật liệu cũng được ghi nhận tương tự về số lượng, chất lượng cho từng lô, mẻ sản xuất và được ghi nhận theo từng lệnh sản xuất có sự tham gia kiểm tra của bộ phận quản lý chất lượng (QA) và kiểm định chất lượng (QC) trước khi xuất/nhập kho nguyên liệu.

Các đơn vị sản xuất tại mỗi phân xưởng có trách nhiệm báo cáo đánh giá việc sử dụng nguyên liệu cho quá trình sản xuất thành công, báo cáo tỷ lệ, hiệu suất sử dụng nguyên liệu và ghi nhận chi tiết vào tài liệu sản xuất sản phẩm.

Sử dụng các nguồn năng lượng

Là doanh nghiệp sản xuất dược phẩm về nguyên tắc phải tuân thủ yêu cầu nghiêm ngặt về sản xuất của tổ chức WTO. Tuy nhiên, Bidiphar cũng định hướng việc trở thành doanh nghiệp xanh, sạch và tuân thủ các vấn đề bảo vệ môi trường và tiết kiệm tài nguyên.

Nguồn năng lượng chính được sử dụng tại Bidiphar là điện và nước. Việc sử dụng hệ thống thiết bị hiện đại với mức tiêu hao năng lượng thấp và có thể theo dõi vận hành nhằm đảm bảo sử dụng chi phí tiêu thụ điện năng thấp nhất. Việc sử dụng nước máy cũng được tiết kiệm thông qua việc sử dụng cơ chế tuần hoàn nước ở một số thiết bị sản xuất.

Xây dựng các chính sách sử dụng tiết kiệm năng lượng và phổ biến đến từng người lao động trong quá trình hoạt động nhằm đảm bảo tiết kiệm chi phí vận hành và cũng là nâng cao một trong các hoạt động phát triển bền vững tại doanh nghiệp, được phát động thi đua hằng năm tại Hội nghị người lao động, giám đốc công ty kêu gọi tất cả người lao động cùng hưởng ứng.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN KIỂM SOÁT
- CÁC GIAO DỊCH, THỪ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BĐH, BKS
- GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ



HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 được tổ chức ngày 14 tháng 04 năm 2018 và đã được thông qua các nội dung:

- Báo cáo HĐQT về việc đánh giá kết quả hoạt động của công ty năm 2017, hoạt động của HĐQT năm 2017 và kế hoạch kinh doanh đầu tư năm 2018;
- Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2017;
- Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
- Báo cáo phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017;
- Tờ trình ủy quyền cho HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán năm 2018;
- Tờ trình Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc;
- Tờ trình tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài tại Bidiphar là 49%, ủy quyền cho HĐQT tiếp tục làm việc với UBCKNN và cấp Bộ, Ngành liên quan để xin phép thực hiện;
- Tờ trình tiếp tục hoàn thiện hồ sơ niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE);
- Tờ trình bổ sung ngành nghề kinh doanh;
- Tờ trình đầu tư góp vốn bằng quyền sử dụng đất;
- Tờ trình dự thảo sửa điều lệ công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Văn Quá	Chủ tịch	26/02/2014	11	100%	-
2	Bà Phạm Thị Thanh Hương	Phó Chủ tịch	26/02/2014	11	100%	-
3	Ông Nguyễn Thanh Giang	Thành viên	26/02/2014	11	100%	-
4	Ông Huỳnh Ngọc Oanh	Thành viên	26/02/2014	11	100%	-
5	Bà Nguyễn Thị Mai Hoa	Thành viên	26/02/2014	11	100%	-
6	Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên	26/02/2014	11	100%	-
7	Bà Nguyễn Thị Mai Anh	Thành viên	26/02/2014	11	100%	-

Hoạt động giám sát của HĐQT với Ban Tổng Giám đốc

Hoạt động giám sát và hỗ trợ của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc gồm:

- Theo dõi việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Biên bản và Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- Đánh giá và góp ý các hoạt động trong công tác điều hành về các mặt: đầu tư, tài chính, thị trường, bán hàng, nguồn nhân lực, sản xuất, chất lượng.

Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT

Tiểu ban Xây dựng chiến lược phát triển

- Tối đa hóa năng lực và hiệu quả sản xuất, chất lượng, nghiên cứu; tăng năng suất lao động; nâng cao chất lượng sản phẩm; nâng cao tiêu chuẩn nhà máy; cải tiến sản phẩm; nghiên cứu sản phẩm mới; sản phẩm khác biệt, hàm lượng khoa học kỹ thuật cao;
- Tối đa hóa năng lực và quản trị doanh nghiệp; quản trị tài chính và chuỗi cung ứng.

Tiểu ban Phát triển thị trường

- Tư vấn cho Lãnh đạo xây dựng các chính sách phát triển thị trường ở trong và ngoài tỉnh;
- Đề xuất các phương án phát triển thị trường theo đặc thù từng địa bàn phù hợp với mục tiêu của công ty ở từng thời điểm.

Tiểu ban Truyền thông, pháp chế và quản trị rủi ro

- Điều hành trang web và thường xuyên cập nhật thông tin của công ty để nhà đầu tư tìm hiểu. Cung cấp các báo cáo tài chính hoặc thông tin quan trọng khác theo Luật định cho UBCKNN đồng thời công bố trên website của công ty;
- Chịu trách nhiệm về những vấn đề pháp lý liên quan đến thủ tục niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán... Tham mưu cho Lãnh đạo lựa chọn các đơn vị tư vấn phù hợp.

Tiểu ban Nhân sự và tiền lương

- Tư vấn, đề xuất HĐQT về Quy chế chi trả lương, thưởng năm 2018;
- Tư vấn, đề xuất HĐQT về chính sách thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao.

Các nghị quyết/Quyết định của HĐQT

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
1	340/HĐQT	30/01/2018	Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2017
2	476/NQ-HĐQT	12/03/2018	Nghị quyết: Thông qua kế hoạch đầu tư năm 2018
3	619/NQ-HĐQT	13/04/2018	Nghị Quyết: Điều chỉnh nội dung đầu tư nhà máy sản xuất dược phẩm Bidiphar Betalactam tại Công ty TNHH Bidiphar Betalactam
4	623/NQ-HĐQT	14/04/2018	Nghị quyết: Đại hội cổ đông thường niên năm 2018
5	763/NQ-HĐQT	21/05/2018	Nghị quyết: Thông qua giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh
6	982/NQ-HĐQT	02/07/2018	Nghị quyết: Lựa chọn Cty TNHH Deloitte Việt Nam làm dịch vụ kiểm toán
7	1166/QĐ-HĐQT	15/08/2018	Quyết định: Về việc ban hành quy chế công bố thông tin của Công ty
8	1167/QĐ-HĐQT	15/08/2018	Quyết định: Về việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty
9	1246/NQ-HĐQT	12/09/2018	Nghị quyết: Về việc thông qua điều chỉnh dự án đầu tư Công ty TNHH Bidiphar Công nghệ cao tại Nhơn Hội
10	1433/NQ-HĐQT	29/10/2018	Nghị quyết: Về việc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
11	1624/NQ-HĐQT	17/12/2018	Nghị quyết: Đại hội đồng bất thường bằng văn bản năm 2018 Bidiphar

BAN KIỂM SOÁT

Thông tin về thành viên Ban kiểm soát

Trước đại hội cổ đông năm 2018

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Nguyễn Thị Hằng Nga	Trưởng ban	25/04/2015	04/04	100%	-
2	Ông Huỳnh Thế Duy	Thành viên	25/04/2015	04/04	100%	-
3	Bà Trình Phương Mai	Thành viên	26/02/2014	04/04	100%	-

Sau Đại hội cổ đông năm 2018

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Quang Việt	Trưởng ban	14/04/2018	07/07	100%	-
2	Bà Nguyễn Thị Hằng Nga	Thành viên	14/04/2018	07/07	100%	-
3	Bà Trình Phương Mai	Thành viên	26/02/2014	07/07	100%	-

Hoạt động giám sát của BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác

- BKS được tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT, tham gia ý kiến theo chức năng và nhiệm vụ của BKS;
- Định kỳ, BKS đều có những báo cáo và kiến nghị bằng văn bản gửi tới HĐQT và BTGD. Những kiến nghị của BKS đều được ghi nhận và triển khai thực hiện.

Sự phối hợp giữa BKS đối với HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác

- BKS được HĐQT và Ban Tổng Giám đốc tạo điều kiện thuận lợi trong việc cung cấp đầy đủ các thông tin về tình hình hoạt động SXKD và tình hình tài chính của Công ty;
- BKS, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc phối hợp chặt chẽ để kịp thời giải quyết các vướng mắc trong quá trình kiểm tra kiểm soát của BKS.
- Hoạt động khác của BKS:** Không
- Đào tạo về quản trị Công ty:** Không
- Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:** Không
- Giao dịch giữa người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát:** Không
- Giao dịch giữa Công ty với các đối tượng khác:** Không
- Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết:** Không





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Deloitte.

Số: 378 /VN1A-HC-BC

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
 Tầng 18, Tòa nhà Times Square,
 57-69F Đồng Khởi, Phường Bến Nghé,
 Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Điện thoại: +84 28 3910 0751
 Fax: +84 28 3910 0750
 www.deloitte.com/vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
 Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
 Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11 tháng 3 năm 2019, từ trang 4 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Võ Thái Hòa
 Phó Tổng Giám đốc
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
 kiểm toán số 0138-2018-001-1
**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH
 DELOITTE VIỆT NAM**
 Ngày 11 tháng 3 năm 2019
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Đào Thái Thịnh
 Kiểm toán viên
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
 kiểm toán số 1867-2018-001-1

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng.

56/...
 AN...
 TH...
 H...
 PH...
 N...
 20-0...
 AN...
 T...
 M...
 IT...
 NA...
 HO...

Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.021.237.151.785	1.115.417.706.711
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	92.556.725.446	96.499.799.276
1. Tiền	111		80.556.725.446	53.999.799.276
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.000.000.000	42.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		222.701.393.300	313.801.393.300
1. Chứng khoán kinh doanh	121		1.393.300	1.393.300
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	222.700.000.000	313.800.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		428.877.865.723	405.932.475.889
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	380.723.402.367	339.169.973.209
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	54.191.458.527	72.424.660.963
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	6.133.149.256	5.387.280.909
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(12.170.144.427)	(11.049.439.192)
IV. Hàng tồn kho	140	10	269.729.041.858	289.896.756.500
1. Hàng tồn kho	141		269.729.041.858	289.896.756.500
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.372.125.458	9.287.281.746
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	3.619.453.283	6.026.658.851
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.693.216.726	2.937.553.867
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	59.455.449	323.069.028
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		413.103.725.401	428.772.313.583
I. Tài sản cố định	220		218.861.572.025	246.926.090.813
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	167.896.839.912	194.573.937.101
- Nguyên giá	222		461.036.723.824	445.535.222.752
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(293.139.883.912)	(250.961.285.651)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	50.964.732.113	52.352.153.712
- Nguyên giá	228		57.384.211.700	57.084.211.700
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.419.479.587)	(4.732.057.988)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		25.129.864.154	11.268.113.916
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	25.129.864.154	11.268.113.916
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		143.526.055.600	140.091.675.860
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	15	127.017.503.693	123.583.123.953
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	16	16.508.551.907	16.508.551.907
IV. Tài sản dài hạn khác	260		25.586.233.622	30.486.432.994
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	25.586.233.622	30.486.432.994
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.434.340.877.186	1.544.190.020.294

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		543.686.587.994	711.180.646.630
I. Nợ ngắn hạn	310		497.319.705.472	655.811.519.815
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	204.507.671.941	196.247.620.157
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	14.769.553.615	31.135.070.338
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	9.720.810.004	30.183.981.936
4. Phải trả người lao động	314		14.603.356.923	40.739.386.772
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		5.566.662.548	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	89.869.602.917	91.298.138.308
7. Vay ngắn hạn	320	21	95.986.460.434	195.699.732.056
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	62.295.587.090	70.507.590.248
II. Nợ dài hạn	330		46.366.882.522	55.369.126.815
1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	23	46.366.882.522	55.369.126.815
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		890.654.289.192	833.009.373.664
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	868.083.062.849	806.467.438.626
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		523.790.000.000	523.790.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		523.790.000.000	523.790.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.921.442.000	20.921.442.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(878.000)	(878.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		73.986.715.286	57.686.233.807
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		249.385.783.563	204.070.640.819
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		204.070.640.819	156.027.758.506
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		45.315.142.744	48.042.882.313
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	25	22.571.226.343	26.541.935.038
1. Nguồn kinh phí	431		17.650.232.586	20.247.177.170
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		4.920.993.757	6.294.757.868
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.434.340.877.186	1.544.190.020.294

(Handwritten signature)

Lê Thị Diệu Loan
Người lập biểu

(Handwritten signature)

Nguyễn Thị Mai Hoa
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Quá
Tổng Giám đốc
Ngày 11 tháng 3 năm 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH MÃ SỐ B 02-DN/HN
 498 Nguyễn Thái Học, Phường Quang Trung Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.474.019.031.146	1.459.521.443.028
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		72.994.714.895	71.294.044.621
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	28	1.401.024.316.251	1.388.227.398.407
4. Giá vốn về bán hàng và dịch vụ	11	29	972.896.278.931	897.554.931.536
5. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		428.128.037.320	490.672.466.871
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	16.074.493.083	18.773.405.464
7. Chi phí tài chính	22	32	12.200.034.045	10.811.343.030
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.365.839.665	6.828.194.142
8. Lợi nhuận từ công ty liên kết	24	15	10.579.768.740	8.030.136.127
9. Chi phí bán hàng	25	33	174.049.858.919	210.957.435.113
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	67.521.210.099	92.776.906.480
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		201.011.196.080	202.930.323.839
12. Thu nhập khác	31		231.410.778	688.750.946
13. Chi phí khác	32		216.262.760	22.626.147
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		15.148.018	666.124.799
15. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		201.026.344.098	203.596.448.638
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	35	38.021.545.804	39.205.654.511
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		163.004.798.294	164.390.794.127
Phần bổ cho:				
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty	61		163.004.798.294	164.390.794.127
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	2.801	2.825

Lê Thị Diệu Loan
 Người lập biểu

Nguyễn Thị Mai Hoa
 Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Quá
 Tổng Giám đốc
 Ngày 11 tháng 3 năm 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH MÃ SỐ B 03-DN/HN
 498 Nguyễn Thái Học, Phường Quang Trung Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	201.026.344.098	203.596.448.638
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	36.516.915.462	36.813.842.330
Các khoản dự phòng	03	1.120.705.235	(2.644.379.422)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(89.566.701)	(3.749.822)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(26.323.732.600)	(25.735.579.962)
Chi phí lãi vay	06	8.365.839.665	6.828.194.142
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	15.000.000.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	220.616.505.159	233.854.775.904
Thay đổi các khoản phải thu	09	(9.071.726.473)	(27.298.477.963)
Thay đổi hàng tồn kho	10	20.167.714.642	(58.777.699.458)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(37.906.551.088)	(69.781.216.996)
Thay đổi chi phí trả trước	12	7.307.407.743	(3.604.033.317)
Tiền lãi vay đã trả	14	(5.626.925.493)	(3.172.353.657)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(57.205.654.511)	(30.389.506.356)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	2.933.778.000	9.258.308.500
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(33.353.303.354)	(32.373.812.948)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	107.861.244.625	17.715.983.709
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(44.080.067.955)	(49.726.230.184)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(39.689.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay công cụ nợ của đơn vị khác	24	91.100.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	21.682.975.744	18.071.891.587
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	68.702.907.789	(71.343.338.597)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	415.811.775.148	430.086.670.569
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(517.749.405.791)	(310.738.766.537)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(78.569.595.601)	(104.765.845.499)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(180.507.226.244)	14.582.058.533
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(3.943.073.830)	(39.045.296.355)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	96.499.799.276	135.548.882.234
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(3.786.603)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	92.556.725.446	96.499.799.276

Lê Thị Diệu Loan
 Người lập biểu

Nguyễn Thị Mai Hoa
 Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Quá
 Tổng Giám đốc
 Ngày 11 tháng 3 năm 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH MẪU SỐ B 09-DN/HN
 498 Nguyễn Thái Học, Phường Quang Trung Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty TNHH Một Thành viên do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định làm chủ sở hữu (100% vốn nhà nước) theo Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4100259564 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 01 tháng 9 năm 2010. Từ tháng 3 năm 2014, Công ty chuyển đổi hình thức hoạt động từ Công ty TNHH Một Thành viên sang mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4100259564 sửa đổi lần 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 01 tháng 3 năm 2014.

Công ty được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 5 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 01 tháng 01 năm 2015, sau khi sáp nhập Công ty Cổ phần Dược phẩm Bidiphar 1 vào Công ty. Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 6 ngày 25 tháng 10 năm 2016 cho việc tăng vốn điều lệ do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018, cổ phiếu của Công ty chính thức niêm yết và giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, với mã chứng khoán DBD.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 1.191 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 1.170).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi, Công ty đã đăng ký các hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Sản xuất dược phẩm, hóa dược, dược liệu
- Bán buôn dược phẩm, dược liệu; dụng cụ, vật tư ngành y tế
- Bán lẻ dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm
- Dịch vụ bảo quản thuốc; Dịch vụ kiểm nghiệm thuốc; Dịch vụ tư vấn quản lý bảo đảm chất lượng trong sản xuất thuốc; Cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực sản xuất dược phẩm; Dịch vụ chăm sóc sức khỏe bằng phương pháp thủy liệu pháp, xoa bóp y học
- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa
- Sản xuất thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung, thực phẩm tăng cường và vi chất dinh dưỡng; Sản xuất muối I-ốt
- Mua bán sữa và các sản phẩm từ sữa, thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung, thực phẩm tăng cường và vi chất dinh dưỡng
- Mua bán máy móc thiết bị y tế; Mua bán, lắp đặt các thiết bị văn phòng
- Mua bán hóa chất, vắc xin, sinh phẩm miễn dịch, hóa chất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực y tế
- Sản xuất các loại nước khoáng, nước giải khát
- Sản xuất giấy nguyên liệu, bao bì carton
- In ấn
- Sản xuất lọ, ống thủy tinh dùng cho công nghiệp dược phẩm, tiêu dùng
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Dịch vụ cho thuê nhà xưởng, nhà kho, văn phòng làm việc
- Sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị, máy móc, dụng cụ trong lĩnh vực y tế và sản xuất dược phẩm
- Nghiên cứu, phát triển, chuyển giao sản phẩm mới trong lĩnh vực dược phẩm
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự
- Trồng cây dược liệu
- Khách sạn
- Nhà hàng
- Sản xuất, mua bán, lắp đặt thiết bị cơ điện lạnh, hệ thống cung cấp không khí lạnh tiết kiệm, hệ thống cung cấp ô xy, ni tơ phục vụ ngành y tế; Sản xuất, mua bán vật tư nông, lâm nghiệp; Trồng và chế biến sản phẩm từ cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày; Sản xuất, chế biến gỗ; Mua bán hàng nông, lâm sản, thủ công mỹ nghệ; Khai thác và chế biến khoáng sản.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm và trang thiết bị y tế.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Cấu trúc doanh nghiệp

Các công ty con, công ty liên kết và các chi nhánh của Công ty như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập	Vốn điều lệ (đồng)	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH Bidiphar Công nghệ cao	Tỉnh Bình Định	120.000.000.000	100	100	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu
Công ty TNHH Bidiphar Non Betalactam	Tỉnh Bình Định	80.000.000.000	100	100	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu
Công ty TNHH Bidiphar Betalactam	Tỉnh Bình Định	40.000.000.000	100	100	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty TNHH Bidiphar Công nghệ Cao đã ký kết hợp đồng xây dựng nhà máy, các công ty con khác đang trong giai đoạn thuê đất và thiết kế ý tưởng.

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập	Vốn điều lệ (đồng)	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Tỉnh Bình Định	212.800.000.000	33,58	33,58	Khai thác, chế biến mủ cao su

Tên chi nhánh	Địa chỉ
1. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại Thành phố Hồ Chí Minh	433/26 Sư Vạn Hạnh, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại Đà Nẵng	76 Huỳnh Ngọc Huệ, Phường An Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.
3. Trung tâm Cung ứng Thuốc và Mỹ phẩm Quy Nhơn - Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)	Số 365, Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.
4. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại Cần Thơ	Lô A3-3, A3-4, A3-5, Đường số 9, Khu nhà ở Nam Long (Đô thị mới Nam sông Cần Thơ), Phường Hưng Thạnh, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ. Số 155, Quang Trung, Thị trấn Ngõ Mây, Huyện Phú Cát, Tỉnh Bình Định
5. Chi nhánh Bidiphar Huyện Phù Cát - Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)	Số 212, Quang Trung, Thị trấn Bồng Sơn, Huyện Hoài Sơn, Tỉnh Bình Định.
6. Chi nhánh Bidiphar Huyện Hoài Nhơn - Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)	Đường Trần Phú, Thị trấn Diêu Trì, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định.
7. Chi nhánh Bidiphar Huyện Tuy Phước - Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)	Số 176 Quang Trung, Thị trấn Phú Phong, Huyện Tây Sơn, Tỉnh Bình Định.
8. Chi nhánh Bidiphar Huyện Tây Sơn - Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)	Số 1038, Đường Nguyễn Khoái, Tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.
9. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại Thành phố Hà Nội	LKH 21 - Khu đô thị Vinaconex 9, Đại lộ Lê Nin, Xã Nghi Phú, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.
10. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại Nghệ An	Số 419 Khu Tái định cư, Phường Thành Nhất, TP. Buon Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.
11. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại Đắk Lắk	Số 56 Nguyễn Sinh Sắc, Phường Bình Định, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định.
12. Chi nhánh Bidiphar Thị xã An Nhơn - Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)	Số 06 Đường Lý Thường Kiệt, Phường Đồng Lương, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị.
13. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại Quảng Trị	



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Tên chi nhánh (Tiếp theo)	Địa chỉ (Tiếp theo)
14. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại Quảng Ngãi	Số 202, Đường Nguyễn Trãi, Phường Nghĩa Lộ, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi.
15. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại Khánh Hòa	18 Khu B, Số 2 Lê Hồng Phong, Phường Phước Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.
16. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại Đồng Nai	J37, J38 Đường N4, KDC Liên Kế, KP 1, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
17. Chi nhánh Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) tại Thanh Hóa	Số 23/124 Nguyễn Tĩnh, Phường Đông Hương, Tp Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa.
18. Chi nhánh Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) tại Hải Phòng	Lô 19N05 Đường Lê Duẩn, Phường Bắc Sơn, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng.
19. Chi nhánh Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) tại Phú Thọ	Khu đô thị Minh Phương, Đường Nguyễn Trãi, Phường Minh Phương, Việt Trì, Phú Thọ.
20. Chi nhánh Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) tại Tiền Giang	Số 498 Nguyễn Thị Thập, Phường 6, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.
21. Chi nhánh Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) tại Kiên Giang	Số 91 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các niên độ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát, hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn.

56/2018/CT-SC/TT

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn khác được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn. Lợi nhuận thuần được chia từ các khoản đầu tư này phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư dài hạn khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 ("Thông tư 89") của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 6

Một số máy móc thiết bị được áp dụng mức khấu hao nhanh bằng hai lần mức khấu hao đường thẳng như trên, phù hợp với hướng dẫn của các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản vô hình và khấu hao

Tài sản vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính, và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tài sản vô hình là quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao theo quy định hiện hành.

Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 3 - 8 năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phát sinh trong suốt thời gian thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng, mua sắm phục vụ mục đích hoạt động, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm giá mua, chi phí lắp đặt, xây dựng, thiết bị, phí dịch vụ và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Các khoản trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và chi phí trả trước khác. Tiền thuê đất trả trước sẽ được phân bổ phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời hạn thuê đất, sử dụng phương pháp đường thẳng. Chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng một năm đến ba năm.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:
- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
 - (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
 - (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
 - (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu năm phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại nhưng phát sinh thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo.

Chương trình dành cho khách hàng truyền thống

Doanh thu được ghi nhận là tổng số tiền phải thu hoặc đã thu trừ đi giá trị hợp lý của hàng hóa, dịch vụ phải cung cấp miễn phí hoặc số phải chiết khấu, giảm giá cho người mua. Giá trị của hàng hóa, dịch vụ phải cung cấp miễn phí hoặc số phải chiết khấu, giảm giá cho người mua được ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện. Nếu hết thời hạn của chương trình mà người mua không đạt đủ điều kiện theo quy định và không được hưởng hàng hóa dịch vụ miễn phí hoặc chiết khấu giảm giá, khoản doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Khi người mua đạt được các điều kiện theo quy định của chương trình, trường hợp Công ty trực tiếp cung cấp hàng hóa, dịch vụ miễn phí hoặc chiết khấu, giảm giá cho người mua: Khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với giá trị hợp lý của số hàng hóa, dịch vụ cung cấp miễn phí hoặc số phải giảm giá, chiết khấu cho người mua được ghi nhận là doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ khi người mua đã nhận được hàng hóa, dịch vụ miễn phí hoặc được chiết khấu, giảm giá theo quy định của chương trình.

Khi người mua đạt được các điều kiện theo quy định của chương trình, trường hợp bên thứ ba có nghĩa vụ cung cấp hàng hóa, dịch vụ miễn phí hoặc chiết khấu, giảm giá cho người mua: Nếu hợp đồng giữa Công ty và bên thứ ba đó không mang tính chất hợp đồng đại lý, khi bên thứ ba thực hiện việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ, chiết khấu giảm giá, khoản doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển sang doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ. Nếu hợp đồng mang tính chất đại lý, chỉ phần chênh lệch giữa khoản doanh thu chưa thực hiện và số tiền phải trả cho bên thứ ba mới được ghi nhận là doanh thu. Số tiền thanh toán cho bên thứ ba được coi như việc thanh toán khoản nợ phải trả.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần và theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	561.864.450	661.496.804
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	79.994.860.996	53.338.302.472
Các khoản tương đương tiền	12.000.000.000	42.500.000.000
	92.556.725.446	96.499.799.276

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ một tháng đến ba tháng tại các ngân hàng thương mại trong nước. Các khoản tiền gửi này được hưởng lãi suất cố định từ 4,7%/năm đến 5,1%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: từ 4,7%/năm đến 5,1%/năm).

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên ba tháng đến một năm tại các ngân hàng thương mại trong nước. Các khoản tiền gửi này được hưởng lãi suất cố định từ 5,3%/năm đến 6,4%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: từ 5,3%/năm đến 6%/năm).

Như trình bày tại thuyết minh số 21, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã sử dụng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/2018/HĐTG với số tiền 90.000.000.000 đồng để cầm cố cho khoản vay thấu chi từ Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Định.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Bên thứ ba	380.723.402.367	339.169.973.209
Công Ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Kỹ Thuật Đông Nam	48.131.856.249	-
Khác	332.591.546.118	339.169.973.209
b. Bên liên quan	-	-
	380.723.402.367	339.169.973.209

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Bên thứ ba	54.191.458.527	72.424.660.963
Công ty TNHH Dược Phẩm Trang Thiết Bị Y Tế T.D	-	60.461.100.000
Công ty CBF Coffee	18.862.400.256	3.247.165.808
Truking Technology Limited	16.925.149.000	82.295.475
Khác	18.403.909.271	8.634.099.680
b. Bên liên quan	-	-
	54.191.458.527	72.424.660.963

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng mua hàng hoá, dịch vụ	434.999.892	655.888.660
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	192.609.850	288.204.349
Lãi dự thu	4.864.331.840	3.657.954.724
Các khoản phải thu khác	641.207.674	785.233.176
	6.133.149.256	5.387.280.909

:5!
IG
PH
AN
BỊ
10V
HO
00.
H
MI
T
MI
H

564-C
Y
AN
THIẾT
BỊ
H BÌNH
ĐỊNH
HAR)
Y-T. BỊ
02-C
H
U HẠN
E
CHỈ M

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

Dưới đây là dự phòng phải thu khó đòi do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của khoản mục này trong năm nay và các năm trước.

	VND
Số dư đầu năm trước	13.693.818.614
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(2.644.379.422)
Số dư đầu năm nay	11.049.439.192
Trích lập dự phòng trong năm	1.120.705.235
Số dư cuối năm nay	12.170.144.427

Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng quá hạn thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Giá gốc	17.790.039.572	14.259.735.825
Dự phòng	(12.170.144.427)	(11.049.439.192)
	5.619.895.145	3.210.296.633

Chi tiết nợ phải thu quá hạn theo đối tượng như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
CBF Coffee Co.,ltd	2.048.372.348	377.280.824	2.048.372.348	528.193.154
F,D PHARMA Co.,ltd - Cambodia	7.373.536.864	-	7.373.536.864	-
Công ty Cổ phần Muối và Thực phẩm Bình Định	-	-	749.767.960	128.012.843
Trung tâm y tế Huyện Vĩnh Thạnh	-	-	1.065.940.519	746.158.363
Bệnh viện đa khoa Tỉnh Bình Thuận	211.346.577	142.980.067	-	-
Bệnh viện đa khoa Thành Phố Vinh	-	-	584.043.673	408.830.571
Các khách hàng khác	8.156.783.783	5.099.634.254	2.438.074.461	1.399.101.702
	17.790.039.572	5.619.895.145	14.259.735.825	3.210.296.633

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Hàng mua đang đi đường	8.235.834.367	22.602.179.014
Nguyên liệu, vật liệu	97.369.685.800	97.611.377.445
Công cụ, dụng cụ	418.728.686	750.000.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh đờ đang	5.710.591.954	13.699.159.320
Thành phẩm	115.397.131.684	117.970.824.388
Hàng hoá	42.597.069.367	37.263.216.333
	269.729.041.858	289.896.756.500

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty không có hàng tồn kho bị giảm giá căn lập dự phòng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	3.619.453.283	6.026.658.851
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.853.920.068	3.552.925.480
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.765.533.215	2.473.733.371
b. Dài hạn	25.586.233.622	30.486.432.994
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.420.784.591	1.954.399.628
Chi phí tiền thuê đất	21.181.967.866	21.181.965.063
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.983.481.165	7.350.068.303
	29.205.686.905	36.513.091.845

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	151.104.706.850	248.684.069.941	33.064.254.456	12.682.191.505	445.535.222.752
Mua trong năm	159.595.455	10.588.241.516	751.860.000	155.290.909	11.654.987.880
Xây dựng cơ bản hoàn thành	118.920.000	6.201.648.472	502.848.726	-	6.823.417.198
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.976.904.006)	-	-	(2.976.904.006)
Số cuối năm	151.383.222.305	262.497.055.923	34.318.963.182	12.837.482.414	461.036.723.824

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Số đầu năm	57.566.691.672	170.480.925.693	17.160.483.747	5.753.184.539	250.961.285.651
Khấu hao trong năm	8.887.064.742	29.543.526.314	4.449.638.412	2.275.272.799	45.155.502.267
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.976.904.006)	-	-	(2.976.904.006)
Số cuối năm	66.453.756.414	197.047.548.001	21.610.122.159	8.028.457.338	293.139.883.912

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày đầu năm	93.538.015.178	78.203.144.248	15.903.770.709	6.929.006.966	194.573.937.101
Tại ngày cuối năm	84.929.465.891	65.449.507.922	12.708.841.023	4.809.025.076	167.896.839.912

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 179.258.345.223 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 157.902.755.032 đồng).

13. TÀI SẢN VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	45.085.742.650	11.998.469.050	57.084.211.700
Mua trong năm	-	300.000.000	300.000.000
Số cuối năm	45.085.742.650	12.298.469.050	57.384.211.700
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	1.333.659.854	3.398.398.134	4.732.057.988
Khấu hao trong năm	228.189.055	1.459.232.544	1.687.421.599
Số cuối năm	1.561.848.909	4.857.630.678	6.419.479.587
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	43.752.082.796	8.600.070.916	52.352.153.712
Tại ngày cuối năm	43.523.893.741	7.440.838.372	50.964.732.113

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 nguyên giá của tài sản vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 709.403.250 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 709.403.250 đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án trồng cây dược liệu	3.141.899.430	2.208.185.883
Phần mềm quản lý phân phối và bán hàng	1.371.755.500	1.021.713.500
Chi phí xây dựng chi nhánh Hải Phòng	2.052.218.182	2.052.218.182
Nhà máy công nghệ cao	10.988.260.593	-
Hệ thống pha chế dịch thận	-	2.061.518.916
Hệ thống Isolator kết nối cân	-	1.540.091.596
Khác	7.575.730.449	2.384.385.839
	25.129.864.154	11.268.113.916

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Giá gốc khoản đầu tư	92.868.048.000	92.868.048.000
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	41.294.844.693	30.715.075.953
Cổ tức được chia	(7.145.389.000)	-
	127.017.503.693	123.583.123.953

Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty liên kết:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng tài sản	523.216.329.279	493.238.981.726
Tổng công nợ	(144.939.866.154)	(125.190.597.276)
Tài sản thuần	378.276.463.126	368.048.384.450
Phần tài sản thuần khoản đầu tư vào Công ty liên kết	127.017.503.693	123.583.123.953
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần	31.508.078.677	23.914.904.672
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào Công ty liên kết trong năm	10.579.768.740	8.030.136.127

16. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ phần	Số đầu kỳ và cuối kỳ	
			Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Khoáng sản Biotan	13,50%	405.000	12.995.016.936	-
Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Nghệ An	1,29%	205.710	1.513.534.971	-
Công ty TNHH Thiên Phúc	10,00%	200.000	2.000.000.000	-
			16.508.551.907	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các công ty nhận đầu tư đều có lợi nhuận nên Công ty không tiến hành trích lập dự phòng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Bên thứ ba	204.507.671.941	196.247.620.157
Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Bidiphar	70.000.728.034	64.859.631.137
Khác	134.506.943.907	131.387.989.020
b. Bên liên quan	-	-
	204.507.671.941	196.247.620.157

Tất cả các khoản phải trả người bán ngắn hạn đều có khả năng thanh toán.

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Bên thứ ba	14.769.553.615	31.135.070.338
Công ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Kỹ Thuật Đông Nam	-	21.126.618.750
Công ty Cổ Phần Sundlal Pharma	2.410.001.226	3.144.942.946
Ban Quản lý Dự án Kiên Giang	4.068.704.000	3.117.775.000
Ban Quản lý Dự án Đầu Tư Xây Dựng Bình Định	4.000.000.000	-
CBF PHARMA Co.,Ltd	1.587.112.125	-
Khác	2.703.736.264	3.745.733.642
b. Bên liên quan	-	-
	14.769.553.615	31.135.070.338

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải thu/ nộp trong năm VND	Số đã thực thu/ nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	323.971.011	15.571.057.857	15.723.405.153	171.623.715
+ Phải thu	337.769.168	15.557.259.700	15.723.405.153	171.623.715
+ Phải nộp	(13.798.157)	13.798.157	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	(242.650.249)	12.121.721.594	11.924.577.097	(45.505.752)
Thuế xuất, nhập khẩu	(18.566.667)	2.623.276.772	2.611.187.427	(6.477.322)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	27.205.654.513	38.021.545.804	57.205.654.511	8.021.545.806
Thuế thu nhập cá nhân	2.592.504.300	7.781.999.560	8.854.335.752	1.520.168.108
+ Phải thu	2.640.558.255	7.741.417.980	8.854.335.752	1.527.640.483
+ Phải nộp	(48.053.955)	40.581.580	-	(7.472.375)
Thuế đất	-	1.419.103.826	1.419.103.826	-
Thuế khác	-	55.052.016	55.052.016	-
	29.860.912.908	77.593.757.429	97.793.315.782	9.661.354.555

Trong đó

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	(323.069.028)	(59.455.449)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	30.183.981.936	9.720.810.004

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ tức phải trả cho cổ đông	78.668.478.450	78.669.574.051
Kinh phí công đoàn	1.423.395.378	1.276.680.192
Nhận ký quỹ, ký cược	89.000.000	89.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.688.729.089	11.262.884.065
	89.869.602.917	91.298.138.308

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

21. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Giảm VND	Giá trị VND
Vay ngắn hạn từ ngân hàng	142.162.596.866	415.797.143.846	490.622.635.249	67.337.105.463		
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	119.000.000.000	286.228.831.846	373.391.172.646	31.837.659.200		
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn	21.962.596.866	110.738.352.123	97.201.502.726	35.499.446.263		
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	1.200.000.000	18.829.959.877	20.029.959.877	-		
Vay ngắn hạn cán bộ công nhân viên	53.537.135.190	2.238.990.323	27.126.770.542	28.649.354.971		
	195.699.732.056	418.036.134.169	517.749.405.791	95.986.460.434		

Khoản vay thấu chi từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định thể hiện hợp đồng tín dụng với hạn mức 90.000.000.000 đồng nhằm bổ sung vốn lưu động của Công ty. Thời hạn khoản vay là 5 tháng với lãi suất là 6,4%/năm. Công ty đã sử dụng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/2018/HĐTG với số tiền 90.000.000.000 đồng để đảm bảo cho khoản vay.

Khoản vay tín chấp từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định thể hiện hợp đồng tín dụng với hạn mức 500.000.000.000 đồng nhằm bổ sung vốn lưu động của Công ty. Thời hạn khoản vay với lãi suất quy định theo từng giấy đề nghị giải ngân.

Khoản vay tín chấp từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định thể hiện hợp đồng tín dụng với hạn mức 40.000.000.000 đồng nhằm bổ sung vốn lưu động của Công ty. Thời hạn khoản vay là 4 tháng với lãi suất quy định theo từng giấy nhận nợ.

Khoản vay tín chấp từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định thể hiện hợp đồng tín dụng với hạn mức 20.000.000.000 đồng nhằm bổ sung vốn lưu động của Công ty. Thời hạn khoản vay là dưới 6 tháng với lãi suất quy định theo từng giấy nhận nợ.

Vay ngắn hạn cán bộ công nhân viên thể hiện khoản vay tín chấp từ tập thể cán bộ công nhân viên của Công ty với thời hạn một năm, áp dụng mức lãi suất là 7,2%/năm.

Tất cả các khoản vay ngắn hạn đều có khả năng trả nợ.

22. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Quỹ này được hình thành từ việc trích lập lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên của Công ty. Quỹ này được sử dụng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi của Công ty và thưởng cho Ban Điều hành Công ty.

	Quỹ khen thưởng VND	Quỹ phúc lợi VND	Quỹ thưởng Ban điều hành VND	Tổng VND
	Số đầu năm	42.765.057.217	24.589.488.739	3.153.044.292
Tăng từ lợi nhuận	16.300.481.479	-	3.260.096.296	19.560.577.775
Tăng khác	19.630.000	-	-	19.630.000
Sử dụng quỹ	(23.720.290.000)	(1.321.920.933)	(2.750.000.000)	(27.792.210.933)
Số cuối năm	35.364.878.696	23.267.567.806	3.663.140.588	62.295.587.090

23. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích từ lợi nhuận trước thuế theo Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2016, để sử dụng cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển. Quỹ được sử dụng theo Quyết định số 01/CTD/TTBYT ngày 01 tháng 01 năm 2009 khi các hoạt động nghiên cứu và phát triển được thực hiện.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Biến động của Quỹ phát triển và khoa học công nghệ trong năm như sau:

	Quỹ phát triển khoa học công nghệ VND	Quỹ phát triển khoa học công nghệ đã hình thành tài sản cố định VND	Tổng VND
	Số đầu năm	30.052.080.243	25.317.046.572
Giảm quỹ	(50.000.000)	-	(50.000.000)
Khấu hao tài sản cố định trừ vào quỹ	-	(8.952.244.293)	(8.952.244.293)
Số cuối năm	30.002.080.243	16.364.802.279	46.366.882.522

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ (*) VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước (trình bày lại)	523.790.000.000	20.921.442.000	(878.000)	41.944.812.218	156.027.758.506	742.683.134.724
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	164.390.794.127	164.390.794.127
Chia cổ tức	-	-	-	-	(78.568.500.000)	(78.568.500.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	15.741.421.589	(15.741.421.589)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(18.889.705.907)	(18.889.705.907)
Trích thù lao HĐQT	-	-	-	-	(3.148.284.318)	(3.148.284.318)
Số dư đầu năm nay (trình bày lại)	523.790.000.000	20.921.442.000	(878.000)	57.686.233.807	204.070.640.819	806.467.438.626
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	163.004.798.294	163.004.798.294
Chia cổ tức	-	-	-	-	(78.568.500.000)	(78.568.500.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	16.300.481.479	(16.300.481.479)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(19.560.577.775)	(19.560.577.775)
Trích thù lao HĐQT	-	-	-	-	(3.260.096.296)	(3.260.096.296)
Số cuối năm	523.790.000.000	20.921.442.000	(878.000)	73.986.715.286	249.385.783.563	868.083.062.849

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 623/NQ-ĐHĐCĐ2018 ngày 14 tháng 4 năm 2018 các cổ đông Công ty đã phê duyệt việc chia cổ tức và trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2017 mà Công ty đã tạm trích trong năm 2017.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã tạm trích lập các quỹ và cổ tức từ lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2018 căn cứ theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo Nghị quyết số 623/NQ-ĐHĐCĐ2018 ngày 14 tháng 4 năm 2018 như sau:

- Trích Quỹ đầu tư phát triển 10% lợi nhuận sau thuế tương ứng với số tiền là 16.300.481.479 đồng;
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi 10% lợi nhuận sau thuế và thưởng Ban điều hành 2% lợi nhuận sau thuế tương ứng với số tiền là 19.560.577.775 đồng;
- Trích thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát: 2% lợi nhuận sau thuế tương ứng với số tiền 3.260.096.296 đồng;
- Tạm trích cổ tức 15% vốn điều lệ tương ứng với số tiền là 78.568.500.000 đồng.

Số liệu cuối cùng về chia cổ tức và trích lập các quỹ từ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 sẽ được các cổ đông của Công ty phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông năm 2019.

Cổ phần:

	Số đầu năm và cuối năm
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	52.379.000
+ Cổ phần phổ thông	52.378.915
+ Cổ phiếu quỹ	85
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	52.378.915
+ Cổ phần phổ thông	52.378.915
- Mệnh giá đang lưu hành (đồng/cổ phần)	10.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 25 tháng 10 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty là 523.790.000.000 đồng. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Số đầu năm và cuối năm		
	Cổ phần	%	VND
Cổ đông Nhà nước - Quỹ đầu tư phát triển Tỉnh Bình Định	6.984.955	13,34	69.849.550.000
Các cổ đông khác	45.394.045	86,66	453.940.450.000
	52.379.000	100	523.790.000.000

25. NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC

Nguồn kinh phí và quỹ khác thể hiện khoản kinh phí được cấp bởi Sở Khoa học và Công nghệ Tỉnh Bình Định liên quan tới hợp đồng "Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ để sản xuất một số thuốc dùng điều trị ung thư tại Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định" số 09/2014/SKHCN-HĐ/DA KHCN ngày 22 tháng 10 năm 2014 giữa Sở Khoa học và Công nghệ Bình Định và Công ty với tổng kinh phí của hợp đồng là 59.500.000.000 đồng. Hợp đồng này được thực hiện trong vòng 5 năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã quyết toán chi phí việc thực hiện đề tài là 31.010.870.903 đồng.

26. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ KHU VỰC ĐỊA LÝ

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý. Công ty hiện không có hơn một bộ phận theo cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý mà chủ yếu hoạt động ở một lĩnh vực kinh doanh là ngành dược phẩm, vật tư y tế và chỉ ở một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

27. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đô la Mỹ ("USD")	66.330,46	54.940,13
- Euro ("EUR")	88,62	100,07

28. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng	1.474.019.031.146	1.459.521.443.028
<i>Trong đó</i>		
Doanh thu bán dược phẩm	1.270.844.138.171	1.318.633.676.336
Doanh thu bán vật tư y tế	189.486.981.285	122.066.889.354
Doanh thu bán nguyên liệu, bao bì, công cụ dụng cụ	12.473.774.207	16.883.883.316
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	1.214.137.483	1.936.994.022
Các khoản giảm trừ doanh thu	72.994.714.895	71.294.044.621
Chiết khấu thương mại	66.976.915.740	61.569.442.929
Giảm giá hàng bán	312.915.641	322.082.915
Hàng bán bị trả lại	5.704.883.514	9.402.518.777
	1.401.024.316.251	1.388.227.398.407

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán dược phẩm	782.320.845.935	767.295.913.354
Giá vốn bán vật tư y tế	179.611.550.403	113.705.584.153
Giá vốn bán nguyên liệu, bao bì, công cụ dụng cụ	10.216.346.006	15.058.950.637
Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	747.536.587	1.494.483.392
	972.896.278.931	897.554.931.536

30. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	353.378.774.078	394.124.824.614
Chi phí nhân công	135.737.101.275	159.593.294.768
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.516.915.462	36.813.842.330
Chi phí dịch vụ mua ngoài	94.204.274.049	127.669.310.315
Chi phí khác bằng tiền	64.881.516.069	86.204.505.736
Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	1.120.705.235	(2.644.379.422)
	685.839.286.168	801.761.398.341

31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.033.609.960	16.871.726.163
Cổ tức, lợi nhuận được chia	710.353.900	833.717.672
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán	210.119.751	942.203.433
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	89.566.701	3.749.822
Khác	30.842.771	122.008.374
	16.074.493.083	18.773.405.464

32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	8.365.839.665	6.828.194.142
Chiết khấu thanh toán	3.327.093.450	3.480.516.748
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán	507.100.930	481.192.664
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	21.439.476
	12.200.034.045	10.811.343.030

33. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	75.464.333.907	86.312.749.591
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.973.811.530	5.759.145.827
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.957.411.731	48.169.889.666
Chi phí bán hàng khác	50.654.301.751	70.715.650.029
	174.049.858.919	210.957.435.113

59/...
 G T...
 H A...
 N G...
 I N...
 I P...
 O N...
 H A...
 3 T...
 N H...
 I T...
 N A...
 H O...

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

34. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	24.549.983.139	37.734.215.831
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.516.029.605	10.956.196.676
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.185.795.348	35.318.689.673
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	12.148.696.772	11.412.183.722
Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	1.120.705.235	(2.644.379.422)
	67.521.210.099	92.776.906.480

35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	201.026.344.098	203.596.448.638
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(7.855.742.900)	(834.718.796)
Trừ: Lợi nhuận từ công ty liên kết	(10.579.768.740)	(8.030.136.127)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	321.251.266	1.296.678.841
Thu nhập tính thuế	182.912.083.724	196.028.272.556
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tính trên thu nhập tính thuế	38.021.545.804	39.205.654.511

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% (năm 2017: 20%) trên thu nhập tính thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trong năm	163.004.798.294	164.390.794.127
Điều chỉnh		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	16.300.479.829	16.439.079.413
Lợi nhuận trong kỳ phân bổ cho các cổ đông	146.704.318.465	147.951.714.714
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành (cổ phiếu)	52.379.000	52.379.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	2.801	2.825

Số liệu trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được ước tính theo mức 10% lợi nhuận sau thuế căn cứ vào kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo Nghị quyết số 623/NQ-ĐHĐCĐ2018 ngày 14 tháng 4 năm 2018.

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Quỹ đầu tư phát triển Tỉnh Bình Định Công ty Cổ phần Khoáng sản Blotan	Cổ đông lớn Công ty có đồng chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được nhận trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	5.216.954.446	3.688.548.875

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ tức phải trả		
Quỹ đầu tư phát triển Tỉnh Bình Định	10.477.432.500	10.477.432.500

38. SỰ KIẾN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 22 tháng 02 năm 2019, Công ty đã thành lập công ty con là Công ty TNHH MTV Thương mại Bidiphar theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4101538232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp với vốn điều lệ là 30.000.000.000 đồng, căn cứ vào Nghị quyết số 1624/NQ-ĐHĐCĐ của đại hội cổ đông bất thường ngày 17 tháng 12 năm 2018.

39. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm 4.864.331.840 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 3.657.954.724 đồng) là khoản lãi từ tiền gửi có kỳ hạn trích trước tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền cổ tức đã trả cho cổ đông trong năm không bao gồm số tiền 78.668.478.450 đồng là cổ tức chưa thanh toán cho cổ đông tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 78.669.574.051 đồng). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 9.385.358.900 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 6.619.628.700 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Lê Thị Diệu Loan
Người lập biểu

Nguyễn Thị Mai Hoa
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Quá
Tổng Giám đốc
Ngày 11 tháng 3 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Bình Định, ngày 04 tháng 04 năm 2019

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Nguyễn Văn Quá

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH
Địa chỉ: 498 Nguyễn Thái Học, phường Quang Trung, TP. Quy Nhơn, Bình Định
Điện thoại: (84.256) 3846500 - Fax: (84.256) 3846846
Website: www.bidiphar.com